

Chú giải thuật ngữ

Bảng chú giải thuật ngữ dưới đây do các tác giả soạn thảo. Trong đó, một số khái niệm được chỉnh lý từ các nguồn bên ngoài cho phù hợp với Tài liệu Hướng dẫn Chứng chỉ PPP này, còn một số khái niệm khác do các tác giả tự soạn thảo nhằm phản ánh cách sử dụng phổ biến và thông lệ tốt.

Dưới đây là các nguồn chính bên ngoài được dùng để xây dựng bảng Chú giải thuật ngữ này:

- Từ vựng: Cổng thông tin tri thức về PPP. Tham khảo: <https://pppknowledgelab.org/glossary>
- Bảng chú giải thuật ngữ chung về PPP - Scottish Futures Trust. Tham khảo: http://www.scottishfuturestrust.org.uk/files/publications/SFT_Publication_PPP_Terminology_Glossary_Revised_January_2012.pdf
- Chú giải thuật ngữ về hợp tác công-tư: Madhya Pradesh, Chính phủ Ấn Độ. Tham khảo: http://www.dif.mp.gov.in/ppp/PPP_Glossary.pdf
- Chú giải thuật ngữ trong tài liệu *Hợp tác Công-Tư: Các nguyên tắc về chính sách và tài chính* (2011), Yescombe, Nhà Xuất bản Ấn phẩm Điện tử: Butterworth-Heinemann.
- Chú giải thuật ngữ trong một số tập của *Hướng dẫn Quốc gia về Hợp tác Công-tư* (2008-2011), Chính phủ Ôt-xtrây-li-a, Cơ quan Hạ tầng Ôt-xtrây-li-a. Tham khảo: <http://infrastructureaustralia.gov.au/policy-publications/public-private-partnerships/files>
- Chú giải thuật ngữ trong *Sách Hướng dẫn Tăng cường Quản trị Tốt trong Hợp tác Công-tư* (2008), Ủy ban Kinh tế Châu Âu của Liên hiệp Quốc tại: <http://www.unece.org/fileadmin/DAM/ceci/publications/ppp.pdf>

Từ bỏ	Là việc đối tác tư nhân thất bại trong việc xây dựng hoặc vận hành công trình trong một giai đoạn kéo dài.
Chấp nhận	Là việc cơ quan Nhà nước hoặc bên chứng nhận độc lập khẳng định về việc đã đáp ứng các điều kiện sẵn sàng cung cấp dịch vụ.
Dự án công trình nhà	Là dự án PPP bao hàm cung cấp công trình nhà như trường học, bệnh viện, và nhà giam.
Affermage	Là thuật ngữ tiếng Pháp về hình thức hợp đồng PPP trong đó đối tác tư nhân chịu trách nhiệm vận hành và

	<p>bảo trì công trình hạ tầng hiện có, nhưng không cung cấp tài chính để đầu tư. Đối tác tư nhân đó không nhận phí cố định cho việc cung cấp dịch vụ. Thay vào đó, họ được giữ lại một phần phí thu của người sử dụng dịch vụ và một phần phí thu được họ chuyển cho cơ quan nhà nước là chủ sở hữu tài sản đó. Khoản nợ cho cơ quan nhà nước được tính theo tỷ lệ phần trăm số phí thu được hoặc tỷ lệ phần trăm trên tổng đơn vị dịch vụ cung cấp.</p>
Trong khả năng chi trả	<p>Là khả năng dự án thực tế có thể được đảm bảo trong phạm vi hạn mức ngân sách dài hạn của chính quyền.</p>
Thẩm định	<p>Là việc thực hiện hàng loạt các hoạt động phân tích khả thi để làm căn cứ ra quyết định phê duyệt, hủy, hoặc rà soát lại dự án trước khi xác định cấu trúc hợp đồng.</p>
Rủi ro phân bổ ngân sách	<p>Là rủi ro cơ quan nhà nước không có khả năng đáp ứng các nghĩa vụ tài chính cho dự án vì nguồn tài chính cho dự án không thể đưa vào ngân sách. Rủi ro phân bổ có thể ảnh hưởng đến các dự án được cơ quan nhà nước dự kiến thanh toán trọn gói trong giai đoạn thi công, hay khoản thanh toán theo sự sẵn sàng của dịch vụ trong suốt vòng đời của dự án, hoặc do kết quả của những sự kiện khác phát sinh trong vòng đời của dự án.</p>
Trọng tài	<p>Là hình thức phân xử tư nhân, trong đó các bên có thể lựa chọn ra một hội đồng/bên thứ ba không thiên vị qua một thỏa thuận bằng văn bản. Các bên có thể lựa chọn trọng tài viên riêng của mình theo hoàn cảnh và chuyên môn mong muốn, và cũng có thể bổ nhiệm một trọng tài viên độc lập. Các bên được tự do thiết kế và điều chỉnh các quy tắc trọng tài. Trong phần lớn các trường hợp quyết định của trọng tài viên có tính chất ràng buộc pháp lý.</p>
Arrendamiento (cho thuê hàng hóa công)	<p>Là một phương án hợp đồng pháp lý tương tự như các hợp đồng Thiết kế - Xây dựng - Cung cấp Tài chính - Vận hành - Bảo trì (DBFOM) với hình thức thanh toán là chính quyền chi trả, trong đó phần đất để xây dựng công trình không phải là đất dành cho mục đích sử dụng công cộng, mà là bất động sản chính quyền có thể thu xếp.</p>

Điều lệ thành lập	Là văn bản trong đó vạch ra mục đích của doanh nghiệp dự án PPP (SPV) và các quy tắc quy định về cách thức những người quản lý vận hành SPV đó. Tham khảo thêm <i>Doanh nghiệp dự án PPP (SPV)</i> . (Chú giải người dịch: doanh nghiệp được các nhà đầu tư thành lập ra với mục đích duy nhất là để thực hiện dự án PPP)
Thất bại trong việc cung cấp dịch vụ	Là việc không cung cấp được dịch vụ, gây ảnh hưởng đến một hoặc nhiều lĩnh vực chức năng hoặc bộ phận của một công trình.
Các khoản thanh toán theo sự sẵn sàng của dịch vụ	Là các khoản chi trả trong vòng đời của một hợp đồng để đổi lấy việc bên tư nhân đảm bảo hạ tầng được cung cấp. Điều này được xác định trong hợp đồng và cũng là hình thức thanh toán phổ biến trong các dự án PPP được chính quyền chi trả.
Rủi ro về sự sẵn sàng	Là loại rủi ro (nhất là trên góc độ của nhà nước) về việc hạ tầng không sẵn sàng để sử dụng và/hoặc không đáp ứng những yêu cầu về chất lượng hoặc mức độ vận hành dự kiến.
Khả thi về huy động vốn vay	Là khả năng dự án được những người cho vay chấp nhận là một khoản đầu tư theo mô hình tài chính dự án, hoặc là khả năng dự án có thể huy động được một số vốn lớn dưới hình thức khoản vay dài hạn theo mô hình tài chính dự án, nhờ vào mức độ tín nhiệm tín dụng của dự án xét theo mức độ đầy đủ và độ tin cậy của các dòng tiền trong tương lai.
Tình huống cơ sở	Là mô tả tài chính của dự án liên quan đến chi phí, doanh thu, và các kết luận liên quan. Tình huống này kết hợp xem xét các tình huống biến động để cân nhắc ra kịch bản có khả năng xảy ra nhất.
Mô hình tài chính cho tình huống cơ sở	Là mô hình tài chính cho tình huống cơ sở được thống nhất giữa các bên vào ngày hoàn tất thu xếp tài chính. Mô hình này có thể được cập nhật, chỉnh sửa và điều chỉnh theo thời gian. Mô hình tài chính cho tình huống cơ sở thường bao gồm mọi chi phí, doanh thu và các khoản thanh toán giữa các bên, kết hợp với toàn bộ những tham số và giả định làm căn cứ cho những tính toán đó.

<p>Lịch tiến độ cơ sở</p>	<p>Là lịch biểu của dự án được lập nhằm mục đích điều phối và theo dõi. Lịch biểu này được dùng để xác định ra các mốc thời gian then chốt hoặc tương đối then chốt, là các mốc thời gian nếu bị chậm trễ sẽ dẫn đến chậm trễ chung thời hạn hoàn thành dự án.</p>
<p>So sánh đối chứng</p>	<p>Là so sánh chi phí của một hạng mục hoặc dịch vụ so với giá thị trường của hạng mục hoặc dịch vụ đó.</p> <p>Đối với các dự án PPP được chính quyền chi trả trong đó có hợp phần "Dịch vụ không gắn với tài sản hạ tầng" liên quan (ví dụ, PPP lĩnh vực y tế, trường học, vận vận), so sánh đối chứng được sử dụng làm phương pháp để tính điều chỉnh giá cho các khoản chi trả cho dịch vụ, dựa trên xem xét giá thị trường của các dịch vụ đó (ví dụ, so sánh chi phí của một đối tác tư nhân hoặc nhà thầu của họ với giá thị trường hiện tại của những dịch vụ mềm đó).</p> <p>So sánh đối chứng là phương án thay thế đối với phương pháp "kiểm thử giá trị" mà mục tiêu là nhằm kiểm thử xem mức chi phí thực tế của các dịch vụ mềm liên quan so với thị trường; đây cũng là phương án phổ biến nhất nhằm thay thế phương pháp kiểm thử thị trường.</p>
<p>Hồ sơ đề xuất tốt nhất và cuối cùng (BAFO)</p>	<p>Đây là một quy trình trong giai đoạn Hồ sơ Mời thầu (RFP), quy trình này tiếp tục lựa chọn để xác định ra nhà thầu được lựa chọn.</p> <p>Tham khảo thêm <i>Hồ sơ Mời thầu, Giai đoạn mời thầu</i>.</p>
<p>Bảo lãnh dự thầu</p>	<p>Là bảo đảm bằng văn bản của bên tư nhân gửi cơ quan mời thầu. Bảo lãnh dự thầu là để đảm bảo rằng nếu được lựa chọn, nhà thầu sẽ ký kết hợp đồng. Cách gọi khác là "bảo đảm dự thầu".</p> <p>Bảo lãnh dự thầu nhìn chung sẽ được trả lại cho nhà thầu trúng thầu khi hợp đồng liên quan có hiệu lực hoặc vào thời điểm hoàn tất thu xếp tài chính.</p>
<p>Điểm thưởng cho hồ sơ dự thầu</p>	<p>Trong trường hợp nhà đầu tư đề xuất dự án, bên đề xuất dự án sẽ được hưởng lợi thế về điểm số - là một tỷ lệ phần trăm tăng thêm trong điểm chấm thầu của bên đó - trong quy trình đấu thầu rộng rãi.</p>

Bảo đảm dự thầu	Tham khảo <i>Bảo lãnh dự thầu</i> .
Nhà thầu (hoặc bên đề xuất)	<p>Theo nghĩa chung, là một công ty hoặc một nhóm công ty, chẳng hạn một liên danh, nộp hồ sơ dự thầu sau khi nhận được một hồ sơ mời thầu. Nhà thầu có thể là nhà thầu độc lập hoặc là một liên danh của nhiều thành viên, trong đó mỗi thành viên chịu trách nhiệm cho một nội dung cụ thể, chẳng hạn thi công công trình hạ tầng, cung cấp thiết bị, hoặc vận hành dự án.</p> <p>Theo nghĩa chặt chẽ, nhà thầu chỉ là công ty hoặc các công ty cam kết hình thành ra doanh nghiệp dự án hoặc đối tác tư nhân (còn gọi là SPV), cùng với các thành viên khác trong liên danh dự thầu dự kiến đóng vai trò "thành viên liên danh là nhà thầu thực hiện dự án" (Chú giải của người dịch: thành viên trong liên danh không đóng góp vốn nhưng có kinh nghiệm chuyên môn để thực hiện một hoặc một số hạng mục công việc. Trong quá trình thực hiện dự án, doanh nghiệp dự án sẽ lựa chọn thành viên này thực hiện hạng mục công việc thuộc chuyên môn của thành viên đó mà không cần phải tiến hành đấu thầu). Chính quyền thường chỉ ký kết hợp đồng với công ty hoặc các công ty hình thành nên SPV hoặc với chính SPV đó.</p>
Vi phạm đối với hợp đồng	Tham khảo <i>Vi phạm hợp đồng</i> .
Chi phí phá vỡ hợp đồng	Là chi phí khi chấm dứt sớm hợp đồng hoán đổi, trái phiếu, hoặc khoản vay có lãi suất cố định hoặc được gắn theo chỉ số lạm phát.
Các dự án đầu tư công trình đã có	<p>Trên góc độ kỹ thuật / công trình, là đầu tư trong các dự án tại các địa điểm trước đây đã được sử dụng cho các mục đích công nghiệp hoặc từng là địa điểm của các công trình xây dựng lớn.</p> <p>Trên góc độ nhà đầu tư, là đầu tư vào tài sản hạ tầng đã tồn tại trước thời điểm đấu thầu, hoặc trước đây là tài sản mới nhưng đang được vận hành vào thời điểm thực hiện đầu tư.</p>
Báo cáo Nghiên cứu dự án	Là tài liệu nêu rõ sự cần thiết phải thực hiện đầu tư.
Hiệu chỉnh	Là quy trình xác định hoặc gán số liệu hoặc giá trị cuối cùng cho các nội dung khác nhau của cơ chế thanh toán.

Chi phí xây dựng cơ bản – Capex	Chi phí xây dựng cơ bản (Capex): Là chi phí xây dựng ban đầu cho công trình hạ tầng cộng chi phí bất kỳ phát sinh để xây dựng tài sản PPP nhưng không phải là chi phí vận hành (Opex).
Mô hình định giá tài sản vốn (CAPM)	Là kỹ thuật để ước tính tỷ lệ chiết khấu mà nhà đầu tư áp dụng khi định giá một tài sản tài chính, hoặc lợi suất vốn đầu tư theo yêu cầu của nhà đầu tư đó. Mô hình CAPM tính toán tỷ lệ chiết khấu (hoặc tỷ suất hoàn vốn nội bộ [IRR] vốn đầu tư) dựa trên lãi suất đầu tư phi rủi ro, và sau đó điều chỉnh bằng cách cộng thêm phần bù rủi ro thị trường theo mức độ rủi ro của lĩnh vực đó.
Hỗ trợ vốn hoặc cung cấp tài chính dưới hình thức cấp phát	Các khoản chi trả hỗ trợ mang tính cấp phát hoặc trợ cấp vốn của chính quyền nhằm cung cấp tài chính trực tiếp cho một phần kinh phí dự án. Còn được gọi là "đồng tài trợ".
Các thị trường vốn	Là các thị trường liên quan đến việc huy động vốn bằng cách mua và bán nợ và vốn cổ phần, giao dịch cổ phiếu, trái phiếu, và các sản phẩm đầu tư dài hạn khác.
Tình huống khó xử "Catch 22"	Là một yêu cầu không thể đáp ứng được nếu như không đáp ứng được yêu cầu tiên quyết khác; tuy nhiên, yêu cầu tiên quyết đó lại không thể đáp ứng được cho đến khi yêu cầu ban đầu được đáp ứng.
Cơ quan tổng hợp	Là các bộ ngành của chính quyền có nhiệm vụ xây dựng chính sách chung cho toàn bộ chính phủ. Ví dụ như bộ tài chính và bộ kế hoạch.
Thay đổi pháp luật	"Thay đổi luật" thường bao hàm những phát sinh dưới đây sau khi thực hiện hợp đồng dự án: (a) Luật mới được ban hành (b) Sửa đổi, bãi bỏ hoặc thay đổi văn bản luật bất kỳ (c) Tại một số quốc gia, bất kỳ phán quyết nào của tòa pháp luật liên quan, làm thay đổi tiền lệ ràng buộc.

Dân luật (Civil law)	<p>Hệ thống dân luật là một hệ thống pháp luật bao gồm các văn bản luật được ban hành. Những văn bản luật đó có sự phân biệt giữa các loại văn bản luật khác nhau: luật nội dung quy định những hành vi nào bị truy tố hình sự hoặc dân sự, luật hình thức quy định cách thức để xác định hành động cụ thể nào đó cấu thành hành vi hình sự, và luật hình sự quy định về các hình phạt phù hợp. Trong hệ thống dân luật, vai trò của thẩm phán là xác định thông tin thực tế của vụ việc và áp dụng các điều khoản của luật liên quan. Hầu hết dân luật có nguồn gốc từ "<i>Luật Na-pô-lê-ông</i>".</p>
Đồng tài trợ	<p>Đồng tài trợ, trong bối cảnh PPP, được hiểu theo nghĩa nhà nước cung cấp tài chính để tài trợ một phần chi phí xây dựng cơ bản (Capex). Khi nguồn tài chính là nguồn tài chính công của nhà nước theo nghĩa hẹp (nguồn tài chính lấy từ nguồn ngân sách, thường được coi là "các khoản chi trả hỗ trợ" hoặc "cung cấp tài chính cấp phát", chứ không phải nguồn tài chính do các tổ chức tài chính của nhà nước hoặc ngân hàng của nhà nước cung cấp), thì có thể gọi đó là đồng tài trợ thuần túy.</p> <p>Đồng tài trợ thường liên quan đến các dự án được người dùng chi trả nhưng không đảm bảo khả thi, vì vậy cần phải bù đắp khoản thiếu hụt tài chính để đảm bảo khả thi, nhưng cũng có thể áp dụng cho các dự án PPP được chính quyền chi trả để nâng cao tính khả thi thương mại hoặc để nâng cao khả năng chi trả dịch vụ của dự án.</p>
Các bên đồng cho vay	<p>Khi các cơ quan quản lý tài chính công hỗ trợ bổ sung phần còn thiếu của khoản vay bằng cách cung cấp một phần khoản vay. Các cơ quan đó sẽ cho vay với điều kiện tương tự như của cộng đồng ngân hàng.</p>
Đảm bảo thế chấp	<p>Là việc một bên ký hợp đồng với doanh nghiệp dự án PPP (SPV), ví dụ như cố vấn chuyên môn hoặc nhà thầu phụ, trực tiếp gửi cho ngân hàng cam kết và đảm bảo rằng công việc họ thực hiện là phù hợp với mục đích và họ sẽ tuân thủ mọi yêu cầu pháp luật liên quan và họ sẽ duy trì số tiền bảo hiểm tối thiểu cho một giai đoạn cụ thể.</p>

Ngân hàng thương mại	Là ngân hàng thuộc sở hữu tư nhân nhằm cung cấp vốn vay, gọi là nợ, cho doanh nghiệp dự án PPP (SPV), để tạo điều kiện cho doanh nghiệp đó có nguồn tài chính trang trải cho các hoạt động của dự án.
Thời điểm đóng thương mại	Là thời điểm mọi vấn đề lớn về thương mại giữa cơ quan đấu thầu và liên danh đã được nhất trí. Hợp đồng PPP (hoặc thỏa thuận dự án PPP) thường được ký kết vào thời điểm đóng thương mại. Đôi khi, ngay cả khi hợp đồng PPP được ký kết, phần lớn các điều khoản trong đó chưa có hiệu lực cho đến thời điểm hoàn thành thu xếp tài chính.
Nghiên cứu khả thi thương mại	Là phân tích được thực hiện để kiểm tra xem dự án có thu hút được thực chất các nhà thầu, nhà đầu tư, và bên cho vay có năng lực hay không, đồng thời chỉ ra những điều kiện chính cần được đáp ứng để có được điều đó. Bao gồm cả "Nghiên cứu khả thi tài chính".
Nghiệm thu đưa vào vận hành	Là quy trình kiểm thử diễn ra khi hoàn thành thi công dự án để đảm bảo đối tác tư nhân đã đáp ứng mọi điều kiện cần thiết để dự án bắt đầu đi vào vận hành, đồng thời để thể hiện rằng công trình hạ tầng có thể cung cấp dịch vụ theo các tiêu chuẩn chi tiết về đầu ra. Đôi khi đó còn gọi là hoàn thành dự án hoặc hoàn thành thi công; về sau chủ yếu nói về hoàn thành công trình xây dựng trước khi cơ quan có thẩm quyền kiểm thử và kiểm tra để đảm bảo tài sản sẵn sàng cung cấp dịch vụ như được quy định trong hợp đồng.
Rủi ro khi nghiệm thu đưa vào vận hành	Là rủi ro về việc không đáp ứng được các kết quả thi công như quy định và/hoặc dự án, sau khi xây dựng, không đáp ứng được các tiêu chí nghiệm thu hoàn thành, gây chậm trễ trong việc tạo doanh thu.
Luật án lệ (Common law)	Hệ thống Luật án lệ nhìn chung không được quy định bằng văn bản pháp luật. Điều đó có nghĩa là không có sự tổng hợp toàn diện các quy tắc và quy định quy phạm pháp luật.

	Mặc dù hệ thống luật án lệ dựa trên một số những quy định rải rác, đều là các quyết định pháp luật, nhưng chủ yếu dựa trên tiền lệ, nghĩa là phán quyết đã được đưa ra cho những vụ việc tương tự.
Khối thịnh vượng chung	Khối thịnh vượng chung là khối kết hợp tự nguyện gồm 53 nhà nước độc lập và có chủ quyền ngang bằng. Khối này có xuất phát điểm từ thời Đế quốc Anh, là thời điểm một số quốc gia bị Anh cai trị trực tiếp hoặc gián tiếp. Tư cách thành viên hiện nay dựa trên sự hợp tác tự nguyện ngang bằng và tự do; không nhất thiết phải cân nhắc ràng buộc lịch sử với Đế quốc Anh.
Hạ tầng truyền thông	Là công trình hạ tầng được xây dựng để phục vụ truyền tải giữa các mạng viễn thông và truyền thông.
Sự kiện bồi thường	Là sự kiện rủi ro trong đó bên đối tác tư nhân được quyền nhận đền bù tài chính nếu sự kiện đó phát sinh và trong điều kiện đối tác tư nhân đó bị ảnh hưởng về tài chính. Bồi thường có thể chỉ là đền bù một phần, trong trường hợp như vậy, sự kiện đó được coi là rủi ro được chia sẻ.
Quy trình đối thoại cạnh tranh	<p>Là một hình thức cụ thể của quy trình đấu thầu, trong đó có một giai đoạn cụ thể, gọi là "giai đoạn đối thoại", trong đó hợp đồng và Hồ sơ Mời thầu (RFP) được thảo luận hoặc đối thoại giữa cơ quan nhà nước và các ứng cử viên (trên cơ sở một - một), hoặc với các nhà thầu dự kiến (đã được sơ tuyển hoặc đưa vào danh sách ngắn trên cơ sở Hồ sơ Mời Sơ Tuyển – RFQ).</p> <p>Mục đích là nhằm hoàn thiện lại hợp đồng và Hồ sơ Mời thầu (RFP) trước khi yêu cầu nộp hồ sơ dự thầu (hoặc hồ sơ dự thầu cuối cùng nếu đã yêu cầu một số hồ sơ dự thầu trước đó trong quá trình đối thoại, thường trên cơ sở không ràng buộc).</p>
Hoàn thành	Khi đối tác tư nhân đã thi công công trình đạt các yêu cầu của chính quyền và công trình đó được coi là phù hợp để sử dụng.

Khoản đảm bảo hoàn thành	Là khoản đảm bảo do nhà thầu phụ xây dựng cung cấp để đảm bảo kết quả thực hiện và khả năng hoàn thành hợp đồng thầu phụ xây dựng.
Rủi ro hoàn thành	Là những rủi ro liên quan đến việc hoàn thành xây dựng công trình và khả năng ban đầu có thể cung cấp dịch vụ theo yêu cầu của hợp đồng PPP.
Nhượng quyền	Là việc chính quyền trao quyền kinh tế của một tài sản công thuộc phạm vi quản lý của chính quyền đó theo luật hành chính cho một bên tư nhân, bao gồm cả quyền theo pháp luật có được khu đất đó. Thuật ngữ này cũng nói về hợp đồng PPP mà thường phần lớn doanh thu đến từ người sử dụng.
Bên được nhượng quyền	Tham khảo thêm <i>Đối tác tư nhân</i> .
Điều kiện tiên quyết	Là những điều kiện cần được doanh nghiệp dự án đáp ứng trước khi giải ngân vốn vay hoặc trước khi các hợp đồng dự án có hiệu lực.
Liên danh	Liên danh là một nhóm các công ty kết hợp với nhau để dự thầu dự án. Thường thì các công ty lập ra liên danh để dự thầu dự án PPP, vì điều này cho phép họ đáp ứng được toàn bộ những năng lực đòi hỏi cho dự án đó (ví dụ, năng lực thi công xây dựng, vận hành công trình hạ tầng, và năng lực cung cấp tài chính).
Thỏa thuận liên danh	Là quan hệ hợp đồng giữa các thành viên liên danh. Văn bản này thường quy định khá chi tiết về cách thức chia sẻ và/hoặc phân bổ trách nhiệm, rủi ro và lợi ích giữa các thành viên. Nếu dự thầu thành công, chẳng hạn, liên danh đó sẽ là nhà thầu được lựa chọn và sẽ thực hiện hợp đồng PPP đó.
Hợp đồng xây dựng	Là thỏa thuận được ký kết giữa doanh nghiệp dự án PPP (SPV) và nhà thầu xây dựng để thiết kế và thi công tài sản trong dự án PPP. Ngoài ra, nó còn được gọi là "hợp đồng thiết kế xây dựng (DB)", hợp đồng thiết kế và thi công (DaC)", "hoặc hợp đồng thiết kế - mua sắm thiết bị - thi công - hợp đồng EPC".
Nhà thầu xây dựng	Là một bên hoặc nhóm các bên (thuộc một liên danh hoặc hình thức liên doanh xây dựng khác), chịu trách nhiệm thiết kế và xây dựng tài sản trong dự án PPP, đồng thời

	cung cấp mọi nguyên vật liệu, lao động, thiết bị (chẳng hạn phương tiện kỹ thuật và thiết bị công trình), cùng các dịch vụ cần thiết để thi công trong dự án. Cũng bao gồm "Nhà thầu Thiết kế Thi Công (D&C)" hoặc "Nhà thầu Thiết kế - Mua sắm - Xây dựng (Nhà thầu EPC)".
Giai đoạn thi công xây dựng	Là giai đoạn từ thời điểm hoàn tất thu xếp tài chính đến thời điểm kết thúc nghiệm thu đưa vào sử dụng, khi công trình xây dựng được hoàn thành.
Rủi ro xây dựng	Là khả năng xảy ra trong giai đoạn Thiết kế và Thi công xây dựng, khi kinh phí thực chi của dự án và thời gian thi công vượt kế hoạch dự kiến.
Dự phòng	Là khoản dự phòng chưa phân bổ trong chi phí xây dựng cơ bản (Capex) nhằm trang trải cho những chi phí bất kỳ phát sinh ngoài dự kiến nhưng cần thiết trong chi đầu tư. Khoản này sử dụng nguồn vốn dự phòng hoặc phòng ngừa.
Dự trữ dự phòng	Là khoản dự trữ để xử lý những rủi ro/tình huống bất ngờ có thể dẫn đến thất bại trong cung cấp dịch vụ và/hoặc mất khả năng trả nợ của dự án. Cả đối tác nhà nước và tư nhân đều có thể lập dự trữ dự phòng.
Bảo lãnh dự phòng	Là khoản bảo lãnh cho một hoàn cảnh hoặc sự kiện trong tương lai có thể xảy ra, nhưng không thể dự báo chắc chắn, có thể ảnh hưởng đến doanh thu của dự án, ví dụ, bảo lãnh về lưu lượng giao thông tối thiểu.
Nghĩa vụ tiềm ẩn	Là các nghĩa vụ/trách nhiệm được kích hoạt khi xảy ra một sự kiện tương lai riêng rẽ nhưng không chắc chắn. Tài liệu Hướng dẫn Chứng chỉ PPP này sử dụng thuật ngữ này cụ thể cho những nghĩa vụ ảnh hưởng đến chính quyền trong hợp đồng PPP.
Quỹ dự phòng nghĩa vụ tiềm ẩn	Là tài khoản (có thể trong hoặc ngoài quyết toán của chính quyền) để chuyển trước tiền vào đó, và dùng quỹ đó thực hiện thanh toán cho các nghĩa vụ tiềm ẩn khi đến hạn trong trường hợp các nghĩa vụ tiềm ẩn đó xảy ra. Quỹ này còn được gọi là "quỹ bảo lãnh".
Vi phạm hợp đồng	Là không tuân thủ điều khoản của hợp đồng. Vi phạm có thể dẫn đến chế tài phạt và đồng thời dẫn đến sự kiện

	<p>chấm dứt hợp đồng hoặc mất khả năng thực hiện hợp đồng.</p> <p>Còn được gọi là "vi phạm đối với hợp đồng".</p>
Mất khả năng thực hiện hợp đồng	<p>Là vi phạm một nghĩa vụ được coi là thiết yếu trong hợp đồng (bao gồm vi phạm tái diễn liên tục), khiến cho cơ quan đấu thầu có quyền chấm dứt hợp đồng. Để được coi là mất khả năng thực hiện hợp đồng, vi phạm đó thường phải là vi phạm trọng yếu đối với một nghĩa vụ cụ thể liên quan.</p> <p>Còn được gọi là "sự kiện chấm dứt hợp đồng".</p>
Giao kết hợp đồng	<p>Ký kết hợp đồng.</p> <p>Tham khảo <i>Thời điểm hoàn tất ký kết hợp đồng dự án</i>.</p>
Quản lý hợp đồng	<p>Là quá trình quản lý và quản trị hợp đồng PPP từ thời điểm được thống nhất ký kết hợp đồng đến khi kết thúc thời hạn hợp đồng.</p>
Sổ tay quản lý hợp đồng	<p>Là công cụ quản lý tri thức để lập kế hoạch kế thừa và chuyển giao kiến thức giữa các nhóm. Tài liệu này cũng là hướng dẫn trong đó chỉ ra những hành động cấp thiết và quan trọng nhất cần được giám đốc hợp đồng thực hiện khi quản trị hợp đồng.</p>
Ký kết hợp đồng	<p>Tham khảo <i>Thời điểm hoàn tất ký kết hợp đồng dự án</i>.</p>
Giá trị hợp đồng	<p>Là giá trị chi phí xây dựng cơ bản (Capex) do cơ quan mời thầu dự toán. Đôi khi đó là tổng giá trị các khoản thanh toán cần thực hiện của cơ quan mời thầu nếu hồ sơ dự thầu bằng với mức trần thanh toán.</p>
Kỹ sư Xây dựng, Thiết kế và Giám định (Kỹ sư CEI)	<p>Kỹ sư CEI hoặc thanh tra CEI là người hỗ trợ giám sát và kiểm tra để giám sát công trình cần hoàn thành trong suốt Giai đoạn Thi công cho đến khi nghiệm thu đưa vào sử dụng. Kỹ sư CEI được cơ quan mời thầu ký kết hợp đồng và báo cáo cho cơ quan đó, nhưng không đưa ra ý kiến chấp thuận mang tính ràng buộc.</p> <p>Khi kỹ sư giám sát công trình đưa ra ý kiến và phân tích mang tính ràng buộc và kỹ sư đó làm việc với tư cách độc</p>

	lập, vị trí này thường được gọi là <i>kỹ sư độc lập</i> hoặc <i>bên chứng nhận độc lập</i> (tham khảo định nghĩa riêng trong bảng chú giải thuật ngữ này).
Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)	Là một chỉ số về lạm phát: chỉ số chính thức về lạm phát tại một quốc gia. Ngoài ra còn được gọi là Chỉ số Giá Bán lẻ (RPI).
Phương thức mua sắm truyền thống	Là các phương thức mua sắm không phải theo hình thức PPP, có thể được áp dụng phổ biến hơn để đầu tư mua sắm hình thành tài sản công.
Phân tích chi phí - lợi ích (CBA)	Là loại hình phân tích được áp dụng để so sánh hai hoặc nhiều phương án thực hiện một dự án, hoặc một quyết định dựa trên dòng tiền kinh tế được điều chỉnh phù hợp, theo một số mẫu hình. CBA chủ yếu được dùng để đánh giá tính khả thi về kinh tế xã hội hoặc giá trị dự án được lựa chọn hoặc dự án đang đánh giá (bất kể áp dụng phương thức đấu thầu nào).
Phân tích hiệu quả chi phí (CEA)	CEA thể hiện tương quan chi phí của một phương án thay thế nhằm đạt được mục tiêu dự án hoặc kết quả hoặc lợi ích chính của dự án. Ví dụ, đó có thể là tương quan về số tiền tiết kiệm được theo từng đơn vị thời gian khi di chuyển bằng các hệ thống giao thông công cộng khác nhau.
Rủi ro quốc gia	<p>Là tập hợp những rủi ro liên quan đến việc đầu tư tại một quốc gia nước ngoài, bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro kinh tế (diễn biến của tổng sản phẩm quốc nội [GDP], rủi ro lạm phát), rủi ro chuyển tiền (rủi ro về việc bị ngăn chặn khi chuyển tiền được phân chia về nước và dòng tiền dành cho nhà đầu tư), rủi ro chính trị, rủi ro xã hội (bao gồm cả rủi ro bạo loạn nói chung), rủi ro quy phạm pháp luật (rủi ro về việc các điều khoản luật ảnh hưởng đến nhà đầu tư nước ngoài, hoặc phiền hà hơn so với bản quốc), rủi ro tham nhũng và chủ quyền (rủi ro quốc gia đó mất khả năng trả nợ các nghĩa vụ tài chính).</p> <p>Môi trường kinh doanh ở một quốc gia (và rủi ro bị đảo ngược) có thể được coi là một phần của khái niệm rủi ro quốc gia, hoặc ở mức bất kỳ, các yếu tố riêng biệt khi nhà đầu tư tiếp cận một thị trường mới nổi. Ví dụ về môi trường kinh doanh có thể là văn bản pháp luật chung ảnh hưởng đến doanh nghiệp thông thường (luật lao động,</p>

	thuế, hệ thống tư pháp, vân vân), tình trạng cơ sở hạ tầng cần thiết để vận hành doanh nghiệp, mức độ phát triển và hạn chế ở thị trường cung ứng (đặc biệt là sự đảm bảo về lực lượng lao động có trình độ, các nhà thầu phụ trong nước đảm bảo khả năng trả nợ).
Yêu cầu về tỷ lệ khả năng thanh toán	Là chỉ tiêu đo lường khả năng đáp ứng các nghĩa vụ tài chính của đối tác tư nhân. Theo nghĩa rộng, nếu tỷ lệ khả năng thanh toán càng cao, bên tư nhân càng có khả năng đáp ứng các nghĩa vụ của họ đối với các bên cho vay.
Tăng cường tín dụng	<p>Là công cụ được thiết kế chủ yếu để bảo vệ các bên cho vay ở mức độ cao hơn, qua đó nâng cao mức độ tín nhiệm của khoản nợ đó. Khi được khu vực nhà nước cung cấp, các công cụ tăng cường tín dụng là một hình thức tài chính công (theo phương thức quay vòng) mà chưa hẳn đã cung cấp các điều kiện ưu đãi, và qua đó trực tiếp làm giảm chi phí vốn bình quân của dự án; thay vào đó, tăng cường tín dụng tạo điều kiện để các bên cho vay áp dụng lãi suất thấp hơn do xếp hạng tín nhiệm được nâng cao hơn.</p> <p>Tăng cường tín dụng cũng có thể do các ngân hàng phát triển đa phương (MDB), các cơ quan tín dụng xuất khẩu (ECA) và các tổ chức tư nhân chuyên trách cung cấp.</p>
Bảo lãnh tín dụng	Đề nghị tham khảo <i>tăng cường tín dụng</i> .
Tín nhiệm tín dụng	<p>Là đánh giá về khả năng đối tác tư nhân mất khả năng trả nợ đối với nghĩa vụ của họ. Đánh giá này thường do các bên cho vay hoặc bên thứ ba chuyên trách, như các tổ chức đánh giá mức độ tín nhiệm, thực hiện.</p> <p>Một pháp nhân có "Tín nhiệm tín dụng" thì được coi là có rủi ro mất khả năng trả nợ thấp đối với một nghĩa vụ nợ của họ.</p>
Giai đoạn khắc phục	Là khoảng thời gian dành cho một bên để khắc phục tình trạng không có khả năng thực hiện nghĩa vụ trong một hợp đồng dự án. Ví dụ, bên tư nhân có thể có các giai đoạn khắc phục trong hợp đồng dự án, và nhà thầu phụ có thể có các giai đoạn khắc phục trong hợp đồng thầu phụ xây dựng.

Phòng dữ liệu	Là thư viện vật lý hoặc điện tử chứa đựng thông tin liên quan đến dự án và được cung cấp cho các nhà thầu.
DB (Thiết kế - Xây dựng)	Là hình thức mua sắm truyền thống trong đó bên tư nhân thiết kế và xây dựng công trình hạ tầng để nhận khoản thanh toán từ nguồn ngân sách nhà nước. Các khoản thanh toán cho công trình thường được thực hiện theo tiến độ thi công, và chính quyền chịu trách nhiệm đầy đủ đối với tài sản được hình thành khi kết thúc thi công xây dựng.
DBF (Thiết kế - Xây dựng - Cung cấp Tài chính)	Giống như trong hợp đồng Thiết kế - Xây dựng (DB), bên tư nhân thiết kế và xây dựng công trình mới, nhưng sẽ được thanh toán qua một dòng tiền thanh toán dài hạn, thường sau khi nghiệm thu đưa vào sử dụng (không hủy ngang và vô điều kiện) thay vì theo tiến độ thi công. Điều này có nghĩa là nhà thầu phải cung cấp tài chính cho chi phí xây dựng các công trình, đóng vai trò là bên cho vay hoặc bên cho thuê đối với bên nhà nước (thường có một ngân hàng cung cấp tài chính theo một cam kết dựa trên các khoản thanh toán tương lai của chính quyền). Việc vận hành và bảo trì do chính quyền thực hiện hoặc thuê một đơn vị khác thực hiện.
DBFM (Thiết kế - Xây dựng - Cung cấp Tài chính - Bảo trì)	Là hình thức biến tấu của hợp đồng Thiết kế - Xây dựng - Cung cấp Tài chính - Vận hành - Bảo trì (DBFOM), trong đó việc vận hành <i>không</i> được đưa vào phạm vi hợp đồng.
DBFOM (Thiết kế - Xây dựng - Cung cấp Tài chính - Vận hành - Bảo trì)	<p>Trong hợp đồng DBFOM, nhà đầu tư phát triển công trình hạ tầng bằng vốn riêng của họ, nghĩa là họ cung cấp toàn bộ hoặc phần lớn nguồn tài chính. Nhà đầu tư cũng chịu trách nhiệm quản lý vòng đời của công trình hạ tầng (chấp nhận rủi ro về chi phí trọn vòng đời) bên cạnh việc chịu trách nhiệm bảo trì và vận hành thường xuyên (hợp đồng loại này thường được gọi là DBFM khi việc vận hành <i>không</i> được đưa vào phạm vi của hợp đồng).</p> <p>Nhà đầu tư có thể được người sử dụng hoặc chính quyền chi trả, trên cơ sở chi trả cho dịch vụ (chi trả theo kết quả) hoặc chi trả cho mức độ sử dụng (gắn với khối lượng hoặc mức độ sử dụng), nhưng nhà đầu tư cũng có thể được chi trả bằng các khoản trả sau cố định (không hủy ngang và vô điều kiện, giống như trong hợp đồng Thiết kế - Xây dựng - Cung cấp Tài chính [DBF]).</p>

	Hợp đồng DBFOM (và DBFM) là loại hợp đồng duy nhất (xét về phạm vi) đáp ứng toàn bộ các điều kiện cần để được gọi là PPP. Tuy nhiên, việc hợp đồng DBFOM có thể được coi là PPP thực thụ hay không còn phụ thuộc vào bản chất thực thụ của chuyển giao rủi ro và bản chất mối quan hệ giữa kết quả và doanh thu.
DBOM (Thiết kế - Xây dựng - Vận hành - Bảo trì)	Trong hợp đồng DBOM, nhà thầu xây dựng, hoặc thiết kế và xây dựng, công trình hạ tầng và được thanh toán cho công trình xây dựng theo các khoản thanh toán xây dựng của nhà nước (giống như trong Thiết kế - Xây dựng [DB]). Sau khi xây dựng, nhà thầu cung cấp dịch vụ vận hành và bảo trì (hoặc chỉ cung cấp dịch vụ bảo trì), qua đó họ được chính quyền chi trả theo giá được thống nhất từ trước.
Thỏa thuận vay nợ	Tham khảo thêm <i>thỏa thuận tài chính</i> .
Tỷ lệ khả năng trả nợ (DSCR)	Là đánh giá về khả năng doanh nghiệp dự án có thể đáp ứng nghĩa vụ thanh toán trả nợ hàng năm. Chỉ số này được tính bằng cách chia dòng tiền vận hành dự báo trước khi trả nợ cho số nghĩa vụ nợ của năm liên quan.
Giai đoạn nghĩa vụ khắc phục sai sót	Là giai đoạn mà nhà thầu có nghĩa vụ theo hợp đồng phải quay lại công trường xây dựng để sửa chữa những sai sót, khiếm khuyết xuất hiện ở công trình của nhà thầu sau khi dự án đã được cơ quan nhà nước nghiệm thu đưa vào sử dụng.
Rủi ro nhu cầu	Là rủi ro về việc nhu cầu thực tế (nghĩa là mức độ sử dụng hoặc lượng khách hàng của công trình hạ tầng) không đạt mức nhu cầu dự báo.
Bảo lãnh rủi ro nhu cầu	Là khoản bảo lãnh rằng nhu cầu thực tế đạt được mức nhu cầu dự báo. Nếu nhu cầu thực tế thấp hơn so với nhu cầu dự báo, bên bảo lãnh sẽ thanh toán cho bên được bảo lãnh.
Hợp đồng Thiết kế và Xây dựng (D&C)	Tham khảo thêm <i>hợp đồng xây dựng</i> .
Yêu cầu thiết kế	Là các yêu cầu về thiết kế công trình được nêu trong yêu cầu đầu ra, hồ sơ thầu thiết kế của bên tư nhân (và được

	đưa vào hợp đồng dự án khi ký hợp đồng), cùng những yêu cầu thiết kế khác được nêu trong hợp đồng dự án.
Rủi ro thiết kế	Là những khiếm khuyết trong thiết kế dẫn đến tài sản được xây dựng, nhưng không đáp ứng được các tiêu chuẩn theo quy định.
Phí cho bên phát triển dự án	Trong trường hợp dự án do nhà đầu tư đề xuất, nhà đầu tư đề xuất ban đầu được chính quyền hoặc nhà đầu tư thắng thầu trả một khoản phí. Đó có thể là phí dùng để bồi hoàn cho một số chi phí phát triển dự án, xây dựng đề cương và đề xuất dự án.
Thỏa thuận trực tiếp	Là thỏa thuận thường được lập giữa doanh nghiệp dự án PPP (SPV), bên chính quyền và các bên cho vay. Hoặc, đó có thể là thỏa thuận giữa SPV, bên cho vay và các nhà thầu phụ quan trọng. Thỏa thuận này cho phép các bên cho vay được quyền can thiệp để tiếp quản công tác vận hành các hợp đồng PPP chủ chốt. Tham khảo thêm <i>Tiếp quản</i> .
Nghĩa vụ trực tiếp	Là các cam kết thanh toán sẽ phải thực hiện bất kể một sự kiện tương lai không chắc chắn có xảy ra hay không.
Tỷ lệ chiết khấu	Là tỷ lệ dùng để tính toán giá trị hiện tại của các dòng tiền tương lai, thường được xác định dựa trên chi phí vốn được dùng để cấp vốn đầu tư và từ đó phát sinh dòng tiền dự kiến.
Phân tích dòng tiền chiết khấu	Là thuật ngữ chung chỉ phân tích nhằm chiết khấu dòng tiền tương lai để tính ra giá trị hiện tại ròng (NPV). Tham khảo <i>Giá trị hiện tại ròng (NPV)</i> .
Hợp đồng hoặc cấu trúc hợp đồng giữa Doanh nghiệp dự án PPP với các bên tham gia thực hiện dự án	Là thiết kế hợp đồng trong đó mọi trách nhiệm, rủi ro, quyền và nghĩa vụ được doanh nghiệp dự án PPP (SPV) giao cho các bên tư nhân khác tham gia vào dự án PPP.

Thẩm định chi tiết	Là rà soát và đánh giá về dự án, hợp đồng của dự án và những rủi ro liên quan. Hoạt động này do các nhà đầu tư và các bên cho vay dự án thực hiện trước khi quyết định tham gia/cho vay dự án. Thuật ngữ này cũng có thể được áp dụng cho các hoạt động chuẩn bị dự án hoặc một số khía cạnh trong công tác chuẩn bị do cơ quan mời thầu thực hiện trước khi tiến hành đấu thầu.
Thu phí cầu đường linh hoạt theo tình trạng giao thông	Các mức phí cầu đường có thể biến động theo thời gian thực cho phù hợp với tình trạng tắc đường. Cách thu phí này liên quan đến các công trình trong đó có các tuyến đường thay thế miễn phí để lái xe có thể lựa chọn tuyến đường có thu phí hoặc miễn phí, tùy vào mức độ lưu lượng giao thông và quy trình. Những dự án như vậy còn được gọi là "làn cao tốc".
Chấm dứt sớm	Khi hợp đồng bị chấm dứt trước thời hạn thông thường hoặc "thời điểm hết hiệu lực".
Hạ tầng kinh tế	Là công trình hạ tầng để hỗ trợ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh, như truyền thông, vận tải hay các mạng lưới phân phối như nước, chất thải, và các hệ thống cung ứng năng lượng.
Tỷ suất hoàn vốn nội bộ kinh tế (Economic IRR)	Là tỷ suất hoàn vốn nội bộ (IRR) của dự án sau khi xét đến các tác động ngoại ứng (như chi phí và lợi ích kinh tế, xã hội và môi trường), không được đưa vào trong tính toán tỷ suất IRR tài chính.
<i>Empresa mixta</i>	Tham khảo <i>Các công ty có vốn cổ phần hỗn hợp</i> .
Đánh giá tác động môi trường (EIA)	Là quy trình chính thức dùng để dự báo những hệ quả môi trường, tiêu cực hoặc tích cực, của dự án. Đánh giá này thường do một cơ quan hoặc tổ chức không phải cơ quan mời thầu thực hiện, và có thể dẫn đến những thay đổi do yêu cầu hoặc cần thực hiện đối với thiết kế và biện pháp thi công của dự án.
Luật môi trường	Các văn bản luật, dưới luật, các quy định và các công cụ dưới luật khác liên quan đến môi trường (như các chính sách về bảo vệ môi trường và chính sách quản lý chất thải công nghiệp).

Hợp đồng EPC (hợp đồng Thiết kế - Mua sắm và Xây dựng)	Là hợp đồng trọn gói, cụ thể về ngày giờ và giá trọn gói. Thông thường, hợp đồng này bao hàm thiết kế và thi công công trình, mua sắm hoặc chế tạo thiết bị, thi công và lắp đặt dây chuyền hoặc máy móc khác.
Vốn cổ phần (Vốn chủ sở hữu)	Là phần vốn cổ phần và vốn đầu tư khác có tư cách thấp hơn khoản nợ ưu tiên. Phần vốn này do các thành viên của doanh nghiệp dự án PPP (SPV) đóng góp.
Văn bản góp vốn	Là bộ tài liệu hình thành nên cơ chế đầu tư vốn cổ phần, và cách thức các nhà đầu tư vốn cổ phần góp vốn.
Dòng tiền mặt tự do của cổ đông	Là lượng tiền mặt có thể được phân phối cho các cổ đông góp vốn sau khi trừ mọi chi phí, các khoản tái đầu tư và trả nợ.
Nhà đầu tư góp vốn cổ phần	<p>Là các nhà đầu tư cung cấp tài chính cho một phần chi phí xây dựng cơ bản (Capex) của dự án, thường dưới hình thức vốn cổ phần hoặc nợ thứ cấp (subordinated debt) (Chú giải của người dịch: các khoản nợ có mức độ ưu tiên trả thấp hơn là các khoản nợ không có bảo đảm, và trong trường hợp bên vay mất khả năng thanh toán, sẽ chỉ được hoàn trả sau các khoản nợ có mức độ ưu tiên cao hơn).</p> <p>Khi nói đến nhà đầu tư góp vốn cổ phần trong tài liệu Hướng dẫn Chứng chỉ PPP này, chúng tôi giả định rằng họ là các nhà đầu tư duy nhất hoặc các nhà đầu tư kiểm soát công ty PPP.</p> <p>Một số bên góp vốn cổ phần chưa hẳn đã muốn có vai trò chủ động trong vòng đời đầu tư dự án PPP. Họ là "bên góp vốn cổ phần" và "cổ đông".</p>
Tỷ suất hoàn vốn nội bộ trên vốn chủ sở hữu (Equity IRR)	Là tỷ suất hoàn vốn nội bộ (IRR) trên vốn chủ sở hữu do các nhà đầu tư đóng góp, được tính qua các khoản phân chia (chủ yếu là cổ tức, hoàn trả vốn cổ phần, trả nợ thứ cấp, lãi suất vay nợ thứ cấp).
Bên góp vốn cổ phần	Tham khảo thêm <i>Nhà đầu tư góp vốn cổ phần</i> .
Tỷ suất hoàn vốn trên vốn cổ phần	Tỷ suất hoàn vốn nội bộ mà nhà đầu tư góp vốn cổ phần dự kiến nhận được.

Cổ phần vốn góp	Là phần vốn góp của công ty được đầu tư vào đơn vị thực hiện dự án PPP, doanh nghiệp dự án PPP (SPV). Việc góp vốn cổ phần tạo điều kiện cho các cổ đông góp vốn gây ảnh hưởng đến công tác quản lý SPV hoặc kiểm soát SPV, tùy theo tỷ lệ cổ phần nắm giữ; thường thì các bên đầu tư vốn cổ phần trong SPV sẽ chịu mức độ rủi ro cao hơn.
Sự kiện mất khả năng thực hiện	Tham khảo <i>Mất khả năng thực hiện hợp đồng</i> .
Gói rủi ro dự kiến	Là giá trị rủi ro được bên đối tác tư nhân cộng thêm nhằm dự phòng cho chi phí phát sinh do những sự kiện bất định gây ra trong quá trình ước tính tài chính hoặc nghiên cứu khả thi.
Đánh giá sau hoàn thành dự án	Là một đánh giá được tiến hành sau một khoảng thời gian nhất định kể từ khi hoàn thành dự án, trong đó tập trung vào hiệu quả và tính bền vững của dự án.
Bày tỏ quan tâm (EOI)	Là tài liệu bày tỏ quan tâm của nhà thầu tiềm năng đối với dự án. Tại một số quốc gia, thuật ngữ này được dùng thay cho Hồ sơ Mời Sơ tuyển (RFQ).
Chi phí thu hồi (hoặc chi phí thu hồi đất)	Trong bối cảnh PPP và các công trình hạ tầng khác, là chi phí trả cho chủ sở hữu tư nhân của lô đất phải thu hồi với mục đích sử dụng lô đất đó vì lợi ích của dự án.
FIDIC (Liên đoàn Kỹ sư Tư vấn Quốc tế)	Là một tổ chức quốc tế ban hành những hợp đồng theo mẫu chuẩn dùng cho các công trình xây dựng. Điều kiện hợp đồng của FIDIC cũng được sử dụng phổ biến trong các dự án quốc tế, với một số sửa đổi nhỏ.
Thỏa thuận tài chính	Là bộ tài liệu về việc cung cấp vốn vay cho việc phát triển công trình PPP. Cũng có thể bao hàm "thỏa thuận/hiệp định/văn kiện vốn vay", "thỏa thuận tài chính", và "thỏa thuận vay nợ."
Hoàn tất thu xếp tài chính	Là thời điểm mọi văn kiện về dự án được ký kết, toàn bộ các điều kiện tiên quyết liên quan đến cung cấp tài chính cho dự án đều được đáp ứng, và nguồn vốn dành cho dự án đã sẵn sàng.

Khả thi về tài chính	Tham khảo thêm <i>Khả thi về thương mại</i> .
Mô hình tài chính	Là một tài liệu bảng tính trên máy tính, được lập cho suốt giai đoạn hợp đồng, tập hợp số liệu về số tiền đầu tư, doanh thu, chi phí và thuế, cùng một số tham số phân tích và tỷ lệ lạm phát tương quan. Công cụ này cũng bao gồm dự báo dòng tiền tự do (chú thích của người dịch: số tiền còn lại sau khi đã trả hết những khoản chi phí cần thiết cho tất cả các hoạt động kinh doanh) cho cả công ty dự án và nhà đầu tư góp vốn cổ phần.
Cấu trúc tài chính (trên góc độ của nhà nước)	<p>Vì mục đích của Tài liệu Hướng dẫn Chứng chỉ PPP, thuật ngữ cấu trúc tài chính (trên góc độ nhà nước), đề cập đến định nghĩa về các phương thức bù đắp cho bên đối tác tư nhân trong hợp đồng và các điều kiện liên quan (kỳ hạn, thời gian, chỉ số áp dụng và những khoản khấu trừ/điều chỉnh dự kiến), bao gồm các khoản cấp phát (để đồng tài trợ vốn đầu tư Capex), các khoản thanh toán cho dịch vụ, trợ cấp, quyền thu của người sử dụng, và sự tham gia của bên nhà nước dự kiến nếu có trong việc cung cấp tài chính (bảo lãnh và các biện pháp tăng cường tín dụng, cho vay và góp vốn cổ phần).</p> <p>Cấu trúc tài chính cũng có thể dùng để chỉ cấu trúc các khoản thanh toán của chính quyền thông qua chỉ số giá trị hiện tại ròng (NPV) và chi tiêu công hàng năm, hoặc cấu trúc các khoản thu được từ phía đối tác tư nhân (trong các dự án vượt ngưỡng khả thi).</p>
Xây dựng cấu trúc tài chính	Trong bối cảnh góc nhìn phía tư nhân, công việc liên quan đến thiết kế các nguồn vốn được sử dụng để cung cấp tài chính cho dự án, đặc biệt liên quan đến số vốn vay cần huy động.
Cung cấp tài chính	Nguồn tiền cần có ngay từ ban đầu để trang trải cho kinh phí xây dựng công trình hạ tầng. Nguồn tài chính thường đến từ chính quyền thông qua nguồn ngân sách hoặc vay nợ của chính quyền (phương thức đầu tư công trình hạ tầng truyền thống), hoặc từ khu vực tư nhân huy động vốn vay và cung cấp tài chính qua góp vốn cổ phần (PPP).
Khả thi về tài khóa	Tham khảo thêm <i>Trong khả năng chi trả</i> .

Rủi ro tài khóa	Là rủi ro khi tác động tài khóa của chính quyền (nghĩa là cân đối tài chính của chính quyền) có sự chênh lệch so với mức dự báo.
Hợp đồng giá cố định	Là hợp đồng theo giá cố định trong đó quy định mức giá không được điều chỉnh theo mức chi phí của nhà thầu khi thực hiện hợp đồng. Loại hình hợp đồng này chuyển rủi ro tối đa cũng như toàn bộ trách nhiệm quản lý mọi chi phí cũng như lỗ hoặc lãi sau đó cho nhà thầu.
Tình trạng bất khả kháng	Là những sự kiện ngoài dự kiến bên ngoài nằm ngoài sự kiểm soát của cả hai bên được xác định hoặc quy định qua luật, chính sách hoặc hợp đồng. Phạm vi chính xác của thuật ngữ này có sự khác biệt theo từng quốc gia, nhưng thường bao gồm "nguy cơ do tự nhiên gây ra" (thiên tai). Tình trạng bất khả kháng cũng có thể bao gồm các sự kiện do con người gây ra, như chiến tranh và các hoạt động khủng bố.
Rủi ro tỷ giá	Là những rủi ro liên quan đến thay đổi về tỷ giá ngoại hối/đồng tiền (Forex). Rủi ro này chỉ áp dụng khi vốn vay, chi phí hoặc phí của dự án có mệnh giá bằng ngoại tệ, một phần hoặc toàn bộ. Một cách gọi nữa là rủi ro tiền tệ.
Nhượng quyền kinh doanh (franchise)	Tương tự như <i>affermage</i> , cho thuê tài sản, hoặc nhượng quyền dịch vụ, nhưng hầu hết và cơ bản được áp dụng trong ngành vận tải. Nhượng quyền kinh doanh hiếm khi bao gồm yêu cầu phải đầu tư công trình hạ tầng và thông thường công trình hạ tầng đó do chính quyền quản lý trực tiếp hoặc qua một thỏa thuận riêng.
Ngày bắt đầu cung cấp dịch vụ đầy đủ	Là ngày mà các dịch vụ theo hợp đồng và các dịch vụ cốt lõi của chính quyền, liên quan đến công trình, có thể được bắt đầu cung cấp, thường được quy định là ngày hoàn thành hoặc ngày sau ngày đó.
Thiết kế chức năng	Là thiết kế được lập để trình bày các yêu cầu chức năng của dự án, chứ không phải cung cấp đầu vào thực tế, và các chỉ dẫn kỹ thuật chi tiết của công trình.
Nguồn vốn	Là nguồn tiền cần thiết để đáp ứng các nghĩa vụ thanh toán. Trong bối cảnh PPP, đó là nguồn tiền trong dài hạn để thanh toán kinh phí đầu tư, vận hành và bảo trì cho

	bên đối tác tư nhân của dự án PPP. Nguồn vốn thường từ nguồn thuế (trong các dự án PPP được chính quyền chi trả), hoặc phí do người sử dụng nộp (trong các dự án PPP được người sử dụng chi trả).
Tỷ lệ đòn bẩy (Gearing)	Là tỷ lệ giữa vốn vay (nợ) của công ty với giá trị cổ phần thông thường của công ty đó (vốn cổ phần). (Chú giải của người dịch: Trong tài liệu tiếng Anh tỷ lệ đòn bẩy sử dụng hai từ đồng nghĩa “leverage” và “gearing”).
Chính quyền	Nói về chính quyền cấp liên bang, cấp bang và hoặc đô thị/địa phương và các cơ quan bộ hoặc sở ban ngành thuộc chính quyền đó.
PPP được chính quyền chi trả	Là PPP trong đó doanh thu của đối tác tư nhân là theo hình thức các khoản chi trả từ ngân sách, thường gắn với kết quả đạt được hoặc mức độ sử dụng.
Cung cấp tài chính qua cấp phát	Là các khoản chi trả trực tiếp của chính quyền nhằm cung cấp tài chính cho một phần chi phí xây dựng cơ bản (Capex) lấy từ ngân sách. Các khoản chi trả này thường được thực hiện trong giai đoạn thi công (theo tháng hoặc quý theo tiến độ công trình hoặc trên cơ sở các mốc thời gian cụ thể) hoặc sau khi kết thúc giai đoạn thi công xây dựng.
Bên cấp	Là bên cấp nhượng quyền, giấy phép hoặc một số quyền khác. Tham khảo thêm <i>cơ quan mời thầu</i> .
Dự án đầu tư công trình mới	Trên góc độ kỹ thuật, là dự án được phát triển trên địa điểm trước đây chưa sử dụng cho mục đích công nghiệp hoặc có các công trình xây dựng lớn. Trên góc độ nhà đầu tư, là đầu tư trong dự án PPP mới được trao thầu hoặc đang thi công, theo đó có yêu cầu xây dựng mới công trình hoặc tiến hành nâng cấp đáng kể công trình hạ tầng hiện có. Nếu là nâng cấp, tùy vào cân nhắc về giá trị của công trình hạ tầng hiện có, dự án đầu tư công trình mới cũng có thể được gọi là dự án đầu tư công trình tiếp theo hoặc dự án giai đoạn hai.

Quyết định bật đèn xanh	Là quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc đấu thầu dự án. Quyết định này thường được đưa ra vào cuối Giai đoạn Thẩm định, trên cơ sở được khẳng định sau khi hoàn thiện cấu trúc và dự thảo toàn bộ gói hồ sơ mời thầu.
Quý bảo lãnh	Tham khảo <i>Quý dự phòng nghĩa vụ tiềm ẩn</i> .
Bàn giao lại	Là việc bàn giao những tài sản của của dự án và trách nhiệm về những tài sản đó cho chính quyền sau khi chấm dứt hoặc hết hạn hợp đồng PPP.
Bàn giao	Tham khảo <i>Bàn giao lại</i> .
Dịch vụ kỹ thuật gắn với cơ sở hạ tầng	Là những dịch vụ nhằm tạo điều kiện vận hành tổng thể công trình nhà theo yêu cầu kỹ thuật, ví dụ như duy tu bảo dưỡng và sửa chữa.
Thỏa thuận về các điều khoản chính yếu (HOT)	Thỏa thuận về các điều khoản chính yếu (HOT) quy định những nội dung thương mại chủ chốt mà các bên trong liên danh dự kiến sẽ phải được đề cập đến trong các hợp đồng PPP chủ yếu, bao gồm thỏa thuận dự án, hợp đồng thi công xây dựng, vận hành và duy tu bảo dưỡng (O&M). Tài liệu này nêu rõ các cam kết thương mại của các bên và sẽ được các bên tham gia liên danh nhất trí sớm trong quá trình dự thầu.
Phòng ngừa rủi ro tài chính (Hedging)	Là cơ chế trên các thị trường tài chính để phòng vệ cho công ty dự án tránh được những biến động bất lợi về lãi suất hoặc lạm phát.
Bên chứng nhận độc lập	Là một bên chứng nhận thường được bổ nhiệm với sự đồng ý của cả bên tư nhân và nhà nước, và bên đó phải chứng nhận công trình xây dựng tuân thủ với các tiêu chuẩn chi tiết kỹ thuật nêu trong hợp đồng. Bên chứng nhận phải: <ul style="list-style-type: none"> • Kiểm tra và giám sát công trình, tham dự các buổi kiểm thử kết quả đạt được trong nghiệm thu đưa vào sử dụng, và tư vấn cho bên tư nhân nếu có bất kỳ điều gì cần chỉnh sửa • Chứng nhận Giai đoạn Thi công Xây dựng đã hoàn tất thành công theo đúng hợp đồng PPP

	<ul style="list-style-type: none"> Cấp chứng nhận hoàn thành làm bằng chứng theo hợp đồng về việc Giai đoạn Thi công Xây dựng đã hoàn tất và dự án đã sẵn sàng cho Giai đoạn Vận hành. <p>Tại một số quốc gia, bên chứng nhận độc lập cũng được giao thẩm quyền có tính chất phán xử để đưa ra quyết định có tính chất ràng buộc cho tất cả các bên trong quá trình giải quyết tranh chấp.</p> <p>Tham khảo thêm <i>Kỹ sư Xây dựng, Thiết kế và Giám định (Kỹ sư CEI)</i>.</p>
Kỹ sư độc lập	Tham khảo thêm <i>Bên chứng nhận độc lập</i> .
Rủi ro lạm phát	Là rủi ro khi chi phí xây dựng cơ bản (Capex) hoặc chi phí vận hành (Opex) của doanh nghiệp dự án thay đổi do thay đổi tỷ lệ lạm phát.
Công trình hạ tầng	Là công trình hoặc cấu trúc vật lý hoặc tổ chức, như các tòa nhà, đường sá và công trình cấp điện cần thiết để vận hành xã hội hoặc doanh nghiệp.
Quỹ hạ tầng	Là quỹ được thành lập để đầu tư công trình hạ tầng do một quản lý quỹ quản lý.
Khung thể chế	Là nhóm các cơ quan và đơn vị trong chính quyền có ảnh hưởng đến việc quản lý và quản trị hoạt động của nhà nước (hoặc quản lý và quản trị hình thức PPP, trong bối cảnh khung thể chế PPP).
PPP có Nhà nước góp vốn cổ phần	<p>Là một hình thức PPP, cũng là hình thức con của công ty vốn cổ phần hỗn hợp hoặc Liên doanh (JV), trong đó chính quyền kiểm soát công ty PPP liên doanh và thường sở hữu cổ phần chi phối.</p> <p>Tài liệu Hướng dẫn Chứng chỉ PPP này cho rằng hình thức PPP có Nhà nước góp vốn cổ phần như trên có thể được coi là PPP tài chính tư nhân thực thụ khi khu vực tư nhân tham gia đáng kể dưới hình thức nhà đầu tư góp vốn cổ phần (với tỷ lệ lớn cổ phiếu), qua đó đảm nhận các rủi ro của dự án, còn vốn vay có rủi ro gắn với kết quả thực hiện.</p>

Tài sản trí tuệ	Là những phát minh sáng chế, thiết kế gốc, và ứng dụng thực tế các ý tưởng gốc được pháp luật bảo vệ qua tác quyền, bằng sáng chế, thiết kế được đăng ký, quyền thiết kế bảng mạch, và thương hiệu. Đó cũng có thể là bí quyết kinh doanh, bí quyết độc quyền, và thông tin mật khác được bảo vệ không cho phép công khai trái pháp luật theo luật án lệ và qua các nghĩa vụ hợp đồng bổ sung, như những thỏa thuận về bảo mật.
Quy trình đấu thầu tương tác	Tương tự như hình thức đối thoại cạnh tranh theo nghĩa là có sự tương tác trực tiếp trên cơ sở một một giữa cơ quan có thẩm quyền và các nhà thầu có triển vọng được đưa vào danh sách ngắn trước khi nộp đề xuất dự thầu. Khác biệt chính với quy trình đối thoại là Hồ sơ Mời thầu (RFP) đã được xác định đầy đủ hoặc căn bản khi bắt đầu giai đoạn tương tác, và giai đoạn tương tác tập trung nhiều hơn vào việc tạo điều kiện cho các nhà thầu có triển vọng hoàn thiện cách hiểu của họ về Hồ sơ Mời thầu (RFP) và hợp đồng, thay vì khuyến nghị hoặc bàn về sửa đổi những tài liệu đó.
Hoán đổi lãi suất	Là hợp đồng phòng ngừa rủi ro tài chính nhằm chuyển đổi lãi suất thả nổi thành lãi suất cố định.
Thỏa thuận trách nhiệm kết nối	Mục đích chính của thỏa thuận trách nhiệm kết nối là nhằm quy định về mối quan hệ giữa các nhà thầu phụ trọng yếu liên quan đến trách nhiệm của từng bên trong dự án, các nghĩa vụ và các khoản chi trả cụ thể, cũng như việc thu hồi các khoản cụ thể của nhau. (Chú thích của người dịch: trách nhiệm kết nối phát sinh khi sự chậm trễ hoặc chất lượng công việc của nhà thầu phụ này sẽ dẫn tới sự chậm trễ hoặc những thiệt hại của các nhà thầu phụ khác trong cùng dự án)
Rủi ro kết nối	Là mối quan hệ với các hợp đồng hoặc hoạt động khác của chính quyền, hoặc các bên trực thuộc chính quyền, liên quan đến thực hiện thành công hợp đồng PPP.
Quyết định đầu tư	Là quyết định về việc dự án đề xuất có phải là dự án tốt hay không. Liệu chính quyền có sẵn sàng và có khả năng đảm bảo vốn theo yêu cầu hay không (sau khi xét đến các khoản phí người sử dụng như phí đường bộ), bất kể dự án đó được mua sắm theo phương thức nào?

Nhà đầu tư	Tham khảo <i>Nhà đầu tư góp vốn cổ phần</i> .
Mời đề xuất (ITP)	Là việc cơ quan mời thầu yêu cầu nộp đề xuất. Trong Hồ sơ Mời thầu (RFP) trực tiếp (không áp dụng hình thức có tương tác hoặc đối thoại), thư mời đề xuất được ngầm định trong Hồ sơ Mời thầu (RFP), Tuy nhiên, trong quy trình có tương tác hoặc đối thoại (và đôi khi trong quy trình đàm phán), thư mời đề xuất (ITP) được ban hành vào cuối quy trình đối thoại hoặc tương tác sau khi quy trình này kết thúc, và Hồ sơ Mời thầu (RFP) và hợp đồng đã được định hình, sau khi trao đổi và làm rõ.
Liên doanh (với một bên nhà nước)	Thuật ngữ này cũng được sử dụng phổ biến để nói về "công ty vốn cổ phần hỗn hợp" hoặc " <i>empresas mixtas</i> ".
Tỷ suất hoàn vốn nội bộ (IRR) hoặc Tỷ suất hoàn vốn nội bộ tài chính (financial IRR)	Là tỷ lệ hoàn vốn của một khoản đầu tư được tính toán bằng dòng tiền dự kiến. Tỷ suất hoàn vốn nội bộ (IRR) cũng là tỷ lệ chiết khấu sao cho giá trị hiện tại của các dòng tiền tương lai bằng với giá trị đầu tư ban đầu.
Nợ có thứ tự ưu tiên thanh toán thấp	Tham khảo thêm <i>Nợ thứ cấp</i> .
Các chỉ số chính về kết quả thực hiện (KPI)	Là các chỉ số tài chính hoặc phi tài chính dùng để đo lường tiến độ hoặc thành công của bên tư nhân trong thời gian hoạt động theo các yếu tố quan trọng liên quan đến dự án. Các chỉ số này thường khác nhau tùy theo dịch vụ được ký kết hoặc các thuộc tính khác của dự án. KPI thường được đưa vào trong thỏa thuận hợp đồng vì đó là căn cứ để thực hiện các khoản thanh toán chắc chắn cho bên tư nhân.
Những khiếm khuyết tiềm ẩn	Là khiếm khuyết bên trong công trình mà bình thường không ai có thể tìm ra và tác động của khiếm khuyết đó không xuất hiện cho đến một thời điểm về sau.
Cho thuê tài sản	Là thể chế pháp lý (tương tự như nhượng quyền và được dùng trong nhiều quốc gia theo luật án lệ) cho phép chính quyền trao quyền kinh tế của công trình hạ tầng hoặc quyền sở hữu kinh tế của tài sản. Tại một số quốc gia, thuật ngữ "cho thuê tài sản" có thể được dùng cho những

	hợp đồng dự án, trong đó chính quyền giữ lại trách nhiệm đầu tư.
Khung pháp lý	Là hệ thống pháp lý của một quốc gia bao gồm hiến pháp, cơ quan ban hành pháp luật, các phán quyết, điều ước, và các văn bản sửa đổi pháp luật trước đó.
Bên cho vay	Là các tổ chức cung cấp vốn vay cho dự án: chủ yếu là các ngân hàng và nhà đầu tư tổ chức thông qua trái phiếu dự án.
Thư bày tỏ ý định	Là văn bản (có thể ràng buộc hoặc không ràng buộc) được ký kết giữa các bên khác nhau trong một liên danh. Văn bản này thể hiện mong muốn của họ được trở thành cổ đông góp vốn trong dự án (sẽ được thực hiện) và dự thầu cùng nhau trong một liên danh.
Tỷ lệ đòn bẩy (Leverage)	Tham khảo <i>Tỷ lệ đòn bẩy (Gearing)</i> .
Chi phí trọn vòng đời	Là toàn bộ chi phí của một tài sản trong suốt vòng đời hữu dụng của công trình hạ tầng, hoặc trong suốt vòng đời của một hợp đồng quy định về việc quản lý công trình hạ tầng đó. Chi phí này bao gồm chi phí đầu tư ban đầu/xây dựng và bất kỳ công tác duy tu bảo dưỡng nào cần thực hiện để duy trì tài sản trong điều kiện hoặc tình trạng kỹ thuật ổn định và có thể chấp nhận. Đó có thể là tình trạng cần thiết để đáp ứng các yêu cầu về kết quả công việc được xác định trong hợp đồng.
Quyền truy đòi hạn chế	Là khoản tài chính có bảo lãnh hạn chế từ phía các nhà bảo trợ.
Cơ quan quản lý ngành (hoặc bộ chuyên ngành)	Là bộ hoặc sở ngành của chính quyền chịu trách nhiệm về xây dựng chính sách, lập kế hoạch và cung cấp các dịch vụ cụ thể. Ví dụ hay được nêu là bộ giao thông vận tải và bộ y tế.
Dự án tuyến tính	Là dự án xây dựng một công trình trong một dải đất kéo dài; ví dụ, đường bộ.
Thiệt hại được bồi thường (LD)	Là mức tổn thất được đã thống nhất nếu bên tư nhân vi phạm hợp đồng.

	Tham khảo thêm <i>Tiền phạt</i> .
Thỏa thuận/Hiệp định/văn kiện vốn vay	Tham khảo <i>Thỏa thuận tài chính</i> .
Chỉ số trả nợ theo vòng đời vốn vay (LLCR)	Là tỷ lệ giữa giá trị hiện tại ròng (NPV) của các dòng tiền được dành trả nợ chia cho dư nợ trong kỳ. NPV chỉ được tính đến khi nợ đó đáo hạn. Tỷ lệ này nhằm đưa ra ước tính về chất lượng tín dụng trên góc độ của bên cho vay.
Hạn cuối cùng	Là thời hạn cơ quan mời thầu xác định là ngày dịch vụ phải bắt đầu được cung cấp cho dù có sự kiện hoặc yêu cầu gì phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng. Việc không bắt đầu cung cấp dịch vụ vào ngày này sẽ dẫn đến chấm dứt hợp đồng.
Rủi ro kinh tế vĩ mô	Là rủi ro thay đổi chi phí xây dựng cơ bản (Capex) hoặc chi phí vận hành (Opex) liên quan đến nguyên nhân lạm phát, lãi suất hoặc tỷ giá đồng tiền.
Hợp đồng bảo trì	Tham khảo <i>Hợp đồng vận hành và duy tu bảo dưỡng (O&M)</i> .
Rủi ro bảo trì	Là rủi ro bảo trì không đầy đủ dẫn đến kết quả công việc không được như mong muốn, đây là rủi ro ngầm ẩn và được cân nhắc trong phân tích rủi ro về đảm bảo cung cấp và kết quả công việc.
Hợp đồng quản lý	Là hợp đồng trong đó công tác duy tu bảo dưỡng dài hạn công trình hạ tầng là mục tiêu cốt lõi duy nhất được chuyển giao cho khu vực tư nhân.
Hệ thống thông tin quản lý (MIS)	Là công cụ dùng để ghi chép và quản lý các hoạt động và hồ sơ tài liệu của dự án PPP.
Đề xuất khởi xướng từ thị trường	Tham khảo <i>Dự án do nhà đầu tư đề xuất</i> .
Kiểm thử thị trường (hoặc thăm dò thị trường) cho dự án PPP	Là quy trình đánh giá phản ứng của thị trường với một yêu cầu trong dự án đề xuất, và mức độ quan tâm của thị trường đối với dự án này.

Kiểm thử thị trường về dịch vụ	<p>Là phương pháp xử lý kiểm thử giá trị của các dịch vụ không gắn với tài sản hạ tầng trong dự án PPP trong đó bên đối tác tư nhân đấu thầu lại các dịch vụ đó, rồi chính quyền điều chỉnh các khoản chi trả cho dịch vụ theo giá trị thị trường thực tế (bao gồm cả khả năng thay thế nhà cung cấp dịch vụ không gắn với tài sản hạ tầng đó).</p> <p>Tham khảo thêm <i>So sánh đối chứng</i>.</p>
Nợ Mezzanine	<p>Tham khảo thêm <i>Nợ thứ cấp (subordinated debt)</i>.</p>
Khoản vay ban đầu (Mini-Perm)	<p>Là khoản vay trong giai đoạn xây dựng và vài năm đầu vận hành dự án dựa trên kỹ thuật tín dụng tài trợ dự án, được đảo nợ vào thời điểm thích hợp bằng một khoản vay dài hạn hơn.</p>
Công ty vốn cổ phần hỗn hợp	<p>Là các cấu trúc PPP trong đó cơ quan nhà nước giữ quyền tham gia góp vốn cổ phần trong công ty đó với tư cách là cổ đông. Đó là phương thức chung ở một số quốc gia theo hệ thống dân luật (và thường phổ biến ở các quốc gia nói tiếng Tây Ban Nha, nơi được gọi là “<i>empresa mixta</i>”, và được coi là một loại hình pháp lý mua sắm hoặc hợp đồng công).</p> <p>Hình thức này có thể được coi là PPP nếu đáp ứng các đặc điểm của PPP, và thường được gọi là Liên doanh (JV).</p> <p>Khi bên đối tác tư nhân kiểm soát công ty đó hoặc sở hữu đa số cổ phần, hình thức PPP đó được gọi là PPP có phần vốn góp của Nhà nước.</p>
Mô phỏng Monte Carlo	<p>Là kỹ thuật giải quyết vấn đề được dùng để ước tính xác suất cho ra kết quả nhất định bằng cách chạy thử nhiều lần, gọi là chạy mô phỏng, sử dụng các biến ngẫu nhiên.</p>
Phân tích đa tiêu chí	<p>Là một phương pháp nghiên cứu hoạt động trong đó xem xét cụ thể nhiều loại tiêu chí trong các môi trường ra quyết định trong đó giá thành hoặc giá là một trong những tiêu chí chính.</p>

Khách hàng bí ẩn	Là khái niệm sử dụng các cá nhân có trình độ để khảo sát và kiểm thử kết quả của các dịch vụ do đối tác tư nhân cung cấp.
Giai đoạn đàm phán	Là giai đoạn xác định nhà thầu được lựa chọn/được trao thầu đi đến ký kết hợp đồng (trong các quy trình đấu thầu cho phép đàm phán ở thời điểm này).
Giá trị hiện tại ròng (NPV)	Là giá trị chiết khấu của dòng tiền thu được qua đầu tư trừ đi giá trị chiết khấu của dòng tiền phải bỏ ra. Để đảm bảo lợi nhuận đầy đủ, khoản đầu tư phải có giá trị hiện tại ròng (NPV) lớn hơn không.
Thành viên liên danh là nhà thầu thực hiện dự án	Là nhà thầu chuyên ngành là một thành viên, và nhằm mục đích tăng cường năng lực, của một liên danh, nhờ có các kỹ năng và chuyên môn chuyên ngành, nhưng nhà thầu này sẽ không trở thành nhà đầu tư góp vốn cổ phần trong doanh nghiệp dự án PPP (SPV).
Thỏa thuận không công bố thông tin (NDA)	Là thỏa thuận trong đó một bên đồng ý với các nghĩa vụ bảo mật, coi đó là điều kiện tiên quyết để được quyền tiếp cận thông tin của dự án.
Không có quyền truy đòi	Là khoản tài chính không có bảo lãnh từ phía các nhà bảo trợ.
Hợp đồng O&M (vận hành và bảo trì)	Là hình thức hợp đồng của chính quyền, trong đó bên vận hành tư nhân (theo hợp đồng) phải vận hành một tài sản thuộc sở hữu của nhà nước trong một khoảng thời gian cụ thể. Quyền sở hữu tài sản vẫn thuộc về đơn vị nhà nước. Khái niệm này cũng bao hàm "hợp đồng bảo trì" và "hợp đồng quản lý các công trình".
Mục tiêu (của khung PPP)	Là những gì chính quyền mong muốn khung PPP đạt được.
Bên bao tiêu	Là pháp nhân cam kết mua sản phẩm đầu ra của dự án.
Đấu thầu một giai đoạn	Là quy trình đấu thầu trong đó chính quyền phát hành Hồ sơ Mời Sơ tuyển (RFQ) và Hồ sơ Mời thầu (RFP) cùng nhau, và các nhà thầu nộp hồ sơ dự sơ tuyển và hồ sơ dự thầu trong cùng một lần.

Đấu thầu mở	Là quy trình đấu thầu mở cho bất kỳ nhà thầu nào có quan tâm miễn là họ đáp ứng được các tiêu chí xét tuyển.
Giai đoạn vận hành	<p>Là giai đoạn kể từ khi kết thúc nghiệm thu đưa vào sử dụng đến khi kết thúc thời hạn của hợp đồng PPP, trong đó đối tác tư nhân chịu trách nhiệm công tác bảo trì, và trong nhiều trường hợp cả vận hành công trình hạ tầng.</p> <p>Đây cũng được gọi là giai đoạn bảo trì nếu không liên quan đến vận hành. Đôi khi cũng được gọi là Giai đoạn Vận hành (đối với một số tác giả và chuyên gia, đây cũng có nghĩa là giai đoạn của dự án tương ứng với vòng đời của hợp đồng).</p>
Vận hành	<p><u>Theo nghĩa hẹp</u>: Thuật ngữ này hàm ý hoặc đề cập đến việc thu phí hoặc phí cầu đường của người sử dụng, hoặc ngụ ý có sự tương tác liên quan đến người sử dụng cuối cùng (vận hành hệ thống đường sắt theo nghĩa đó là điều khiển dịch vụ vận tải, tức là phụ trách việc lái tàu, ngay cả trong trường hợp đối tác tư nhân không phụ trách thu cước phí của hành khách).</p> <p><u>Theo nghĩa rộng</u>: Là các nghĩa vụ và trách nhiệm khác để công trình hạ tầng được cung cấp và đưa vào sử dụng. Các hoạt động này không nhất thiết chỉ bao gồm hoạt động bảo trì theo nghĩa chặt chẽ của từ này. Ví dụ, đối với đường bộ, đó là dọn dẹp các vụ tai nạn hoặc dịch vụ dọn tuyết (dịch vụ duy trì trong mùa đông).</p>
Chi phí vận hành (Opex)	Chi phí vận hành: Là các chi phí để vận hành tài sản hạ tầng sau khi bàn giao công trình xây dựng.
Chi phí cơ hội	Là lợi ích có thể nhận được qua một phương án lựa chọn thay thế.
Thiên kiến lạc quan	Là thiên kiến khiến cho người ta tin tưởng rằng họ ít có rủi ro phải trải nghiệm một sự kiện tiêu cực hơn so với người khác. Ví dụ, chính quyền có thể có thiên kiến lạc quan trong một dự báo về nhu cầu giao thông nhưng có lẽ khả năng này khó có thể xảy ra trong tương lai.
Các yêu cầu đầu ra	Là các yêu cầu về dịch vụ trong dự án PPP được xác định theo kết quả thay vì phương tiện đầu vào.

Bảo lãnh của công ty mẹ	Là khoản bảo lãnh từ phía công ty mẹ của nhà thầu cho việc đáp ứng toàn bộ các nghĩa vụ hợp đồng. Công ty mẹ sẽ tiếp quản trách nhiệm về các nghĩa vụ đó và/hoặc đền bù tài chính cho doanh nghiệp dự án PPP (SPV) để trang trải phí tổn khi nhà thầu không hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng.
Thời gian hoàn vốn	Là khoảng thời gian cần thiết để các dòng tiền thu được cộng dồn từ khoản đầu tư bằng với số chi ra ban đầu.
Cơ chế thanh toán	Là cơ chế trong hợp đồng dự án trong đó vạch ra cách thức thanh toán trong hợp đồng PPP giữa nhà nước và tư nhân trong dự án PPP được chính quyền chi trả. Cơ chế này thường bao gồm những đề xuất chi tiết về thời điểm và phương thức thanh toán cho các khoản thanh toán khác nhau theo thời gian, chẳng hạn cho phù hợp với lạm phát.
Giảm trừ chi trả	Là các khoản giảm trừ chi trả trong dự án PPP được chính quyền chi trả. Ngoài ra còn được gọi là "điều chỉnh chi trả" hoặc "giảm chi trả". Đây là phương thức trực tiếp để phạt khi không đảm bảo kết quả công việc trong dự án PPP được chính quyền chi trả.
Tiền phạt	Là các khoản thanh toán bên tư nhân phải chịu nếu vi phạm hợp đồng. Ngoài ra còn được gọi là tiền phạt trực tiếp hoặc tiền phạt cụ thể, để phân biệt với các khoản giảm trừ chi trả. Tại nhiều quốc gia theo luật án lệ, thuật ngữ "tiền phạt" có nghĩa pháp lý cụ thể, là số tiền đền bù được quy định trong hợp đồng không liên quan đến tổn thất dự kiến mà bên kia phải chịu. Tại các quốc gia đó, người ta sử dụng thuật ngữ khác, chẳng hạn "thiệt hại được bồi thường".
Hệ thống phạt	Là cơ chế xác định về mức độ vi phạm và mức tiền phạt quy định trong hợp đồng.

Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	Tham khảo <i>Bảo đảm thực hiện hợp đồng</i> .
Bảo đảm thực hiện hợp đồng	Là thư bảo đảm bằng văn bản do tổ chức bảo đảm là một bên thứ ba (thường là ngân hàng hoặc công ty bảo hiểm) phát hành. Thư này sau đó được trình lên cơ quan mời thầu và/hoặc doanh nghiệp dự án PPP (SPV). Mục đích là nhằm đảm bảo rằng đối tác tư nhân và/hoặc nhà thầu sẽ thực hiện mọi nghĩa vụ được nêu trong hợp đồng của họ.
Hệ thống theo dõi kết quả thực hiện	Là một hệ thống thường bao gồm một bộ chỉ số và các thủ tục được thống nhất trong hợp đồng dự án, chủ yếu nhằm mục đích xác định xem bên tư nhân có thực hiện các dịch vụ trong hợp đồng đúng theo tiêu chuẩn chi tiết về dịch vụ hay không.
Điểm số kết quả thực hiện	Là hệ thống gán "điểm" cho mỗi vi phạm hợp đồng nhằm theo dõi và ghi chép các lần vi phạm - và qua đó là kết quả công việc - đặc biệt nhằm kiểm soát rủi ro về việc đối tác tư nhân rơi vào tình trạng vi phạm liên tục.
Yêu cầu về kết quả thực hiện	<p>Yêu cầu về kết quả thực hiện có thể được coi là một phần của khái niệm rộng hơn về "yêu cầu kỹ thuật" hoặc "quy cách kỹ thuật". Theo nghĩa chung, đó là các thông số kỹ thuật nêu trong hợp đồng về những yêu cầu đối với đối tác tư nhân về mặt chất lượng và/hoặc khối lượng.</p> <p>Yêu cầu về kết quả thực hiện cũng có thể được gọi là "tiêu chuẩn đầu ra" tùy theo bối cảnh (tham khảo định nghĩa), hoặc "yêu cầu về dịch vụ", và cũng có thể được đề cập trong khái niệm rộng hơn là "yêu cầu về vận hành và duy tu bảo dưỡng".</p> <p>Các yêu cầu kỹ thuật liên quan đến xây dựng cũng có thể được gọi là "yêu cầu thi công xây dựng" hoặc "quy chuẩn kỹ thuật xây dựng".</p>
Giấy phép	Là quy hoạch và các giấy phép khác cần có để xây dựng và vận hành công trình.
Vi phạm liên tục	Là việc đối tác tư nhân liên tục không tuân thủ các quy định trong hợp đồng dự án. Vi phạm liên tục (được định nghĩa chính xác trong hợp đồng về số lần vi phạm, cộng

	dồn các lần vi phạm hoặc cộng dồn điểm về kết quả công việc) có thể dẫn đến chấm dứt hợp đồng sớm.
Rủi ro chính trị	Là những rủi ro liên quan đến hành động của chính quyền gây ảnh hưởng đến đối tác tư nhân hoặc hoạt động của họ.
Hợp đồng PPP (định nghĩa tổng quát)	Là hợp đồng dài hạn giữa bên nhà nước và bên tư nhân nhằm phát triển và/hoặc quản lý một dịch vụ hoặc tài sản công, trong đó tác nhân tư nhân chịu phần lớn rủi ro và trách nhiệm quản lý trong suốt vòng đời của hợp đồng. Thù lao gắn liền đáng kể đến kết quả công việc, và/hoặc nhu cầu hoặc mức độ sử dụng dịch vụ hoặc tài sản đó. Tham khảo thêm <i>PPP tài chính tư nhân</i> .
Thỏa thuận PPP	Tham khảo <i>Hợp đồng PPP</i> .
Hợp đồng PPP	Là hợp đồng hoặc thỏa thuận giữa cơ quan mời thầu và đối tác tư nhân trong một dự án PPP. Thuật ngữ "hợp đồng" có khả năng bao gồm các thỏa thuận khác, có thể gắn kết đối tác tư nhân với các bên khác của nhà nước chứ không chỉ cơ quan mời thầu, ví dụ, qua thỏa thuận bao tiêu với cơ quan hoặc tổ chức bên thứ ba.
Cấu trúc hợp đồng PPP hoặc cấu trúc hợp đồng	Là tập hợp những điều khoản thương mại chính trong hợp đồng PPP, căn bản liên quan đến các điều khoản tài chính hoặc "cấu trúc tài chính trong hợp đồng PPP" (cách thức đối tác tư nhân được chi trả) và các điều khoản về phân bổ rủi ro hoặc "cấu trúc rủi ro trong hợp đồng PPP" (cách thức phân bổ rủi ro cho từng bên trong hợp đồng).
Khung PPP	Là các quy tắc, các thủ tục được xác lập và trách nhiệm thể chế nhằm quy định về cách thức chính quyền lựa chọn, triển khai và quản lý các dự án PPP.
Văn bản về khung PPP	Là những văn bản thiết lập nên khung PPP. Đó có thể là các văn bản chính sách, sách trắng, văn bản luật, sắc lệnh hành pháp, thông tư cấp bộ, sổ tay và các tài liệu khác. Các loại hình văn bản sẽ khác nhau tùy theo hệ thống pháp luật của mỗi quốc gia. Trong một số trường

	<p>hợp, khung này có thể được quy định tại nhiều văn bản, và tất cả cần được xem xét và cân nhắc cùng nhau. Các văn bản thiết lập nên khung PPP cũng có thể có mục đích khác, như quy định về việc thiết lập chương trình PPP.</p>
Danh mục PPP dự kiến	<p>Là danh mục các dự án được chính quyền cân nhắc triển khai theo hình thức PPP trong một kỳ thời gian cụ thể (hàng năm, 5 năm, 10 năm, v.v.).</p>
Quy trình PPP hoặc chu trình PPP	<p>Là các bước để tiến hành các dự án PPP theo trình tự để thực hiện dự án. Các bước đó bao gồm xác định dự án, thẩm định PPP, xác định cấu trúc PPP và thiết kế hợp đồng, các quy trình quản lý đấu thầu và trao thầu, và quản lý hợp đồng.</p>
Chương trình PPP	<p>Là các cách thức chính quyền lên kế hoạch sử dụng phương thức PPP để đạt mục đích cung cấp dịch vụ hạ tầng. Nghĩa của nó không chỉ là danh mục PPP dự kiến mà còn bao gồm kế hoạch phát triển các dự án bổ sung và chưa xác định. Trong đó có thể có các chỉ báo về các ngành, lĩnh vực ưu tiên dự kiến áp dụng PPP và mức độ chính phủ dự kiến sử dụng PPP (thay cho các cơ chế cung cấp dịch vụ khác) về tổng thể hoặc trong một ngành, lĩnh vực cụ thể.</p>
Giám sát chương trình PPP	<p>Là việc giám sát chương trình PPP, và cách thức các bên triển khai thực hiện để ít nhất phần nào độc lập với các pháp nhân đang triển khai chương trình PPP. Điều này nhằm đảm bảo các bên tuân thủ các quy tắc đã xác lập và phục vụ cho lợi ích công.</p>
Cấu trúc dự án PPP hoặc cấu trúc dự án	<p>Cấu trúc dự án PP nghĩa là thiết kế quan hệ hợp đồng và dòng tiền nhằm chi phối quá trình thực hiện và suốt vòng đời dự án.</p> <p>Cấu trúc này bao gồm cấu trúc hợp đồng PPP và cấu trúc của các hợp đồng tư nhân (còn gọi là cấu trúc các hợp đồng của doanh nghiệp dự án PPP với các bên tham gia thực hiện dự án PPP) trong đó xác lập bằng văn bản và phân bổ trách nhiệm, nghĩa vụ, rủi ro và lợi ích đã nêu trong hợp đồng PPP.</p>

	<p>“Cấu trúc dự án PPP” là thuật ngữ được dùng trong quá trình xây dựng cấu trúc hợp đồng PPP và cấu trúc của quy trình đấu thầu.</p>
Sàng lọc PPP	<p>Nhằm đánh giá về việc dự án có phù hợp với PPP và có thể tiến tới giai đoạn thẩm định tiếp theo hay không.</p>
Bộ phận PPP	<p>Là một đơn vị của chính quyền nhằm hỗ trợ cơ quan ký kết hợp đồng trong triển khai các dự án PPP. Các bộ phận này thường nằm trong hoặc gắn liền với một cơ quan tổng hợp, chẳng hạn bộ tài chính.</p>
Nghiên cứu tiền khả thi	<p>Là đánh giá các tham số cơ bản của một dự án PPP, được dùng để quyết định có tiếp tục nghiên cứu sâu hơn và tốn kém hơn, như nghiên cứu khả thi và chuẩn bị giao dịch hay không.</p> <p>Tham khảo thêm <i>Đề cương dự án sơ bộ</i>.</p>
Nhà thầu được lựa chọn	<p>Là nhà thầu được xác định vào cuối quy trình chấm thầu là đối tác được chính quyền mong muốn ký kết (hoặc tiến tới đàm phán lần cuối) hợp đồng PPP. Nhà thầu được lựa chọn là bên được trao thầu và được gọi ký kết hợp đồng.</p>
Sơ tuyển	<p>Là việc kiểm tra các nhà thầu có triển vọng nhằm xác định xem họ có qua được các tiêu chí xét tuyển đạt/không đạt hay không trước khi phát hành hồ sơ mời thầu.</p>
Tài chính tư nhân	<p>Là khoản tài chính bất kỳ do khu vực tư nhân cung cấp và chịu rủi ro, nghĩa là phụ thuộc vào kết quả tài chính của dự án.</p> <p>Về tổng thể, bất kỳ khoản tài chính nào do khu vực tư nhân cung cấp đều có thể được coi là tài chính tư nhân. Mặt khác, "tài chính tư nhân" có thể được xem xét trên góc độ quy định: trên góc độ kế toán và báo cáo của nhà nước, tài chính tư nhân nghĩa là nguồn tài chính được huy động nhưng không được coi là nợ công, chẳng hạn như, khoản tài chính này không được tổng hợp vào bảng cân đối tài sản của chính quyền.</p>

	Tuy nhiên, Tài liệu Hướng dẫn Chứng chỉ PPP xem xét "tài chính tư nhân" là bất kỳ khoản tài chính nào do khu vực tư nhân cung cấp và chịu rủi ro theo nghĩa là khoản đó phụ thuộc vào kết quả công việc theo hợp đồng dự án. Cách nhìn nhận này gắn với khái niệm về quyền sở hữu kinh tế đối với tài sản, được sử dụng theo một số chuẩn mực và hướng dẫn nhằm đánh giá xem tài sản PPP có nên được tổng hợp và ghi chép trên bảng cân đối tài sản của chính quyền hay không.
Sáng kiến tài chính tư nhân (PFI)	Là cách gọi thay thế của Anh Quốc (UK) nhằm nói về PPP được chính quyền chi trả.
PPP tài chính tư nhân	Là hợp đồng dài hạn giữa bên nhà nước và bên tư nhân nhằm phát triển (nâng cấp hoặc cải tạo đáng kể) và quản lý một tài sản công (có thể bao gồm quản lý các dịch vụ công liên quan), trong đó bên tư nhân chịu phần lớn rủi ro và trách nhiệm quản lý trong suốt vòng đời của hợp đồng, cung cấp phần lớn tài chính và tự chịu rủi ro đối với các khoản tài chính đó, đồng thời thù lao cho họ được gắn kết nhiều với kết quả công việc và/hoặc nhu cầu sử dụng tài sản hoặc dịch vụ đó sao cho hài hòa được lợi ích của cả hai bên.
Đối tác tư nhân	Là bên đối tác của cơ quan mời thầu trong hợp đồng PPP. Là pháp nhân thuộc khu vực tư nhân được trao hợp đồng xây dựng và vận hành tài sản của chính phủ, và thường được hình thành dưới hình thức doanh nghiệp dự án PPP (SPV) (tham khảo " <i>Doanh nghiệp dự án PPP</i> "). Đó cũng có thể là các cổ đông là thành viên góp vốn của SPV đó, tuy nhiên, định nghĩa chính xác hơn về các thành viên này là "nhà đầu tư góp vốn cổ phần" hoặc "cổ đông".
Bên tư nhân	Là tên gọi thay thế chung cho đối tác tư nhân. Bên hoặc các bên tư nhân cũng có thể là các tác nhân tư nhân tham gia trong dự án (bao gồm tổ chức bảo trợ, nhà thầu, bên cho vay, và nhà đầu tư).
Dự án do nhà đầu tư tư nhân đề xuất	Là các dự án PPP được các công ty tư nhân phát triển và đề xuất theo hình thức hồ sơ tự đề xuất hoặc đề xuất khởi xướng từ thị trường.

Tư nhân hóa	Là chuyển giao vĩnh viễn tài sản trước đây thuộc sở hữu của nhà nước cho khu vực tư nhân.
Chuyên gia liên chính độc lập	Là chuyên gia độc lập được thuê nhằm theo dõi quy trình đấu thầu ở các khâu trọng yếu, đánh giá và báo cáo xem quy trình có được tiến hành theo yêu cầu của các chuẩn mực liên chính hay không.
Quy trình chấm thầu	<p>Là các quy trình đánh giá hồ sơ dự thầu của từng nhà thầu nhằm xác định ra nhà thầu được lựa chọn.</p> <p>Nhìn chung, có hai loại quy trình chấm thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Quy trình chỉ dựa trên giá - trong đó các yếu tố kỹ thuật cần được đánh giá trên cơ sở đạt/không đạt. Quy trình này có thể còn được gọi là đấu giá (mặc dù đấu giá phù hợp hơn đối với PPP dưới hình thức Nhà nước thu tiền từ nhượng quyền kinh tế đối với tài sản công hiện có, nghĩa là nhượng quyền thu phí đối với công trình hạ tầng hiện đang tạo ra doanh thu) và lựa chọn theo chỉ tiêu chi phí thấp nhất. • Quy trình dựa trên giá kết hợp với các yếu tố chất lượng khác - cơ bản liên quan đến chất lượng của đề xuất kỹ thuật (cách tiếp cận trong thi công và thiết kế dự án, cách tiếp cận trong vận hành và bảo trì [O&M]). Quy trình này có thể còn được gọi là lựa chọn dựa trên chất lượng và chi phí (QCBS), hoặc phổ biến hơn là Đấu thầu đạt lợi ích kinh tế cao nhất (MEAT).
Quyết định Phương thức Mua sắm	Là quyết định về cách thức tốt nhất để mua sắm dự án. Liệu mua sắm theo phương thức PPP có đem lại hiệu quả sử dụng đồng vốn cao hơn so với mô hình mua sắm công trong trường hợp mua sắm công được thực hiện theo cách thức tốt nhất không?
Cơ quan mời thầu	Là cơ quan/bộ phận/đơn vị trong chính quyền đứng ra mời thầu và ký hợp đồng dự án. Là đối tác nhà nước trong hợp đồng PPP. Đó thường là cơ quan hoặc đơn vị xúc tiến dự án (đơn vị xúc tiến của nhà nước). Ví dụ là Bộ hoặc Sở Giao thông Vận tải, Bộ Tài chính, v.v. Cơ quan này còn có thể là "bên nhà nước", "đối tác nhà nước", "cơ quan nhà nước" hoặc "bên cấp".

Trái phiếu dự án	<p>Là công cụ đầu tư nợ có thể giao dịch, trong đó nhà đầu tư cho đối tác tư nhân vay tiền trong một khoảng thời gian cụ thể với lãi suất thả nổi hoặc cố định để thực hiện dự án.</p> <p>Huy động tài chính bằng trái phiếu dự án là phương án phổ biến ở các quốc gia có thị trường vốn phát triển và sâu rộng, nhưng thường được áp dụng qua giải pháp đảo nợ (thông qua các khoản vay "trước mắt trong thời gian chưa phát hành trái phiếu") và không phải là cơ chế huy động tài chính cho giai đoạn thi công xây dựng. Trái phiếu dự án cho phép tiếp cận nguồn vốn rộng hơn để huy động tài chính dài hạn, thường có kỳ hạn nợ dài hơn, nhưng lại là giải pháp tài chính ít linh hoạt hơn (vì không phải lúc nào cũng có thể giải ngân theo tiến độ). Hơn nữa việc sửa đổi các điều kiện của trái phiếu trong vòng đời dự án PPP cũng khó khăn hơn.</p>
Công ty dự án	<p>Là công ty đóng vai trò đối tác của chính quyền trong dự án PPP. Còn gọi là "doanh nghiệp dự án PPP" (SPV).</p>
Tín dụng tài trợ dự án	<p>Là kỹ thuật đàm phán và xác định phương thức huy động vốn vay dài hạn cho dự án, trong đó cơ sở của khoản vay là dòng tiền do chính dự án đó tạo ra.</p>
Bản thông tin dự án (PIM)	<p>Là tài liệu trong đó mô tả chi tiết về dự án, bao gồm các hợp đồng chủ chốt dự kiến, doanh thu dự kiến, được dùng làm tài liệu để các nhà đầu tư dự án trình bày cho các bên cho vay trong bối cảnh đàm phán huy động vốn. Đó cũng có thể là thông tin sơ bộ về dự án do cơ quan nhà nước cung cấp cho các nhà thầu và bên cung cấp tài chính có triển vọng trong quá trình thử nghiệm thị trường và tiếp thị dự án trước khi mở thầu.</p>
Chỉ số trả nợ theo vòng đời dự án (PLCR)	<p>PLCR là tỷ lệ giữa giá trị hiện tại ròng (NPV) của các dòng tiền được dùng để trả nợ (CFADS) trong vòng đời còn lại của dự án, với dư nợ hiện hành. Tỷ lệ này tương tự như chỉ số trả nợ vòng đời vốn vay (LLCR), nhưng trong LLCR, CFADS được tính toán cho vòng đời vốn vay theo lịch biểu, trong khi dòng tiền để tính PLCR là dòng tiền cho vòng đời của dự án.</p>

Mô tả sơ bộ dự án	Là tài liệu xác định dự án ở cấp độ cơ bản trên góc độ kỹ thuật.
Chuẩn bị dự án	Bao gồm các hoạt động do chính quyền thực hiện nhằm giảm nhẹ rủi ro của dự án và xử lý các vấn đề thuộc trách nhiệm của chính quyền trước khi đấu thầu hợp đồng.
Ban chỉ đạo dự án	Là ban bao gồm đại diện các bộ hoặc sở ban ngành được cơ quan mời thầu thành lập để chỉ đạo phát triển dự án PPP và xử lý các vấn đề then chốt.
Cơ quan xúc tiến	Thường là cơ quan mời thầu đứng ra xúc tiến dự án dưới hình thức PPP. Đôi khi thuật ngữ này được dùng để nói đến tổ chức xúc tiến tư nhân. Mặc dù vậy, sử dụng thuật ngữ "Nhà đầu tư cổ phần dự án" sẽ phù hợp hơn nếu là bên tư nhân hoặc các bên tư nhân chủ trì chuẩn bị hồ sơ dự thầu và liên danh dự thầu.
Tài sản công	Là tài sản cố định, ví dụ tài sản được mua sắm để sử dụng lâu dài, là các công trình công cộng sử dụng cho mục đích công cộng hoặc cung cấp dịch vụ công. Tài sản công thường được đề cập ở đây là hạ tầng công, hoặc sử dụng hạ tầng theo nghĩa chung, đó là loại tài sản công thường được đầu tư hình thành dưới hình thức PPP.
Phân tích tác động nợ công	Là phân tích được thực hiện tại một số quốc gia nhằm xác định xem tài sản PPP có được coi là thuộc sở hữu của nhà nước hay không vì mục đích đảm bảo trách nhiệm giải trình và báo cáo, theo đó các nghĩa vụ nợ trong hợp đồng được trình bày là nợ công trong báo cáo tài khóa của quốc gia.
Nhượng quyền đất công	Tại một số quốc gia theo hệ thống dân luật, đất đai được giao cho khu vực tư nhân trong 99 năm; vì vậy, điều này hạn chế quyền sử dụng đất để phát triển các công trình cảng được vận hành theo quy định cụ thể và được chuyển lại cho chính quyền sau giai đoạn đó.
Tài chính công	Là thuật ngữ được dùng theo một trong hai nghĩa sau: <ul style="list-style-type: none"> • nguồn tài chính được chính quyền cung cấp • nguồn tài chính được ghi nhận trên bảng cân đối tài sản của chính quyền cho mục đích hạch toán

	kế toán (không quan trọng ai thực sự cung cấp tài chính).
Đối tác nhà nước	Tham khảo <i>Cơ quan mời thầu</i> .
Bên nhà nước	Tham khảo <i>Cơ quan mời thầu</i> .
Đấu thầu công	Là quy trình đấu thầu cạnh tranh để có hợp đồng với khu vực công.
Phương pháp so sánh hiệu quả với mua sắm công (PSC)	Là dự toán kinh phí (có điều chỉnh theo rủi ro), trên góc độ nhà nước, khi dự án được thực hiện theo phương thức mua sắm công truyền thống. Phương pháp này thực hiện so sánh đối chứng để so sánh với dự toán kinh phí dự kiến cho phương án PPP của chính quyền; so sánh này được thực hiện để xác định xem phương án PPP có đem lại hiệu quả sử dụng vốn (VfM) hay không.
Danh mục các công việc cần hoàn tất	Là danh mục những khiếm khuyết nhỏ hoặc vi phạm nhỏ được xác định khi nghiệm thu đưa vào sử dụng, tuy không ảnh hưởng đến bắt đầu cung cấp dịch vụ, nhưng phải giải quyết trong một khoảng thời gian xác định.
Hệ thống quản lý chất lượng (QMS)	Là hệ thống dùng để tích hợp các quy trình khác nhau nhằm tạo điều kiện cho đơn vị xác định, đo lường, kiểm soát và cải thiện các quy trình nghiệp vụ cốt lõi khác nhau để cuối cùng đem lại cải thiện về kết quả công việc và giảm nhẹ rủi ro trong thi công xây dựng.
Tình tiết tăng phạt (Ratchet Factor)	Đối với cơ chế thanh toán trong PPP chính quyền chi trả, là yếu tố làm tăng giá trị của các khoản giảm trừ thanh toán, nhằm áp phạt tình trạng không đảm bảo kết quả thực hiện lặp đi lặp lại, hoặc tình trạng dịch vụ không sẵn sàng cung cấp vẫn tiếp diễn mà không được giải quyết.
Thời gian khắc phục sai sót	Là khoảng thời gian để đối tác tư nhân chỉnh lý, khắc phục những sai sót nhất định gây ảnh hưởng đến việc sẵn sàng cung cấp tài sản cho người sử dụng. Giai đoạn này được cơ quan nhà nước xác định trong hợp đồng.

Thiết kế tham chiếu	Thiết kế tham chiếu là bản thiết kế kỹ thuật chi tiết dùng cho các bên khác sao chép. Các bên thứ ba có thể được quyền cải thiện hoặc chỉnh sửa thiết kế đó theo yêu cầu.
Đảo nợ	Là thay đổi trong cơ cấu tài chính và/hoặc điều kiện tài chính bằng cách đàm phán lại khoản nợ hiện tại hoặc huy động các khoản vốn mới để thay thế các nhà cung cấp vốn hiện tại. Một số hợp đồng quy định lợi tức có được qua đảo nợ cần được chia sẻ với đối tác nhà nước.
Công trình tiện ích công có sự điều tiết của nhà nước thuộc sở hữu của nhà đầu tư	Tại nhiều quốc gia (bao gồm Australia, Pháp, Anh và Hoa Kỳ, hạ tầng tiện ích công (như các hệ thống phát và phân phối điện, hoặc các hệ thống viễn thông) có thể thuộc sở hữu của các pháp nhân tư nhân chứ không phải được nhượng quyền.
Các sự kiện được miễn trừ	Là các sự kiện rủi ro trong đó hợp đồng quy định được miễn trừ nghĩa vụ. Nếu sự kiện đó xảy ra và ảnh hưởng đến khả năng thực hiện hoặc đáp ứng nghĩa vụ bất kỳ của đối tác tư nhân, nguy cơ vi phạm hợp đồng không được tính là vi phạm. Vì vậy, các mức phạt hoặc lý do dự kiến để coi đối tác đó bị lâm vào tình trạng không có khả năng thực hiện hợp đồng sẽ không được tính đến.
Quỹ cải tạo phục hồi	Là tài khoản để đối tác tư nhân gửi tiền vào đó sao cho họ có thể trang trải chi phí dự kiến của việc cải tạo phục hồi công trình hạ tầng trong suốt vòng đời của hợp đồng.
Hồ sơ mời thầu (RFP)	<p>Là bộ tài liệu do cơ quan mời thầu phát hành trong đó đề ra:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Căn cứ hoặc yêu cầu nộp đề xuất (nhà thầu phải nộp những tài liệu nào, theo biểu mẫu và nội dung nào) • Căn cứ tiêu chí chấm thầu để xác định ra nhà thầu được lựa chọn hoặc bên nhận thầu • Hợp đồng PPP sẽ ký kết với nhà thầu trúng thầu và các thông tin phụ lục khác nhau như các biểu, mẫu, thông tin bổ sung để tham khảo, v.v. <p>Trong quy trình đấu thầu rộng rãi một giai đoạn, nội dung của Hồ sơ Mời Sơ tuyển (RFQ) được lồng ghép trong</p>

	<p>cùng bộ hồ sơ, ví dụ, Hồ sơ Mời thầu (RFP) và trong đó có cả quy chế sơ tuyển (RFQ).</p> <p>Trong một số quy trình hai giai đoạn, trong đó có cân nhắc giai đoạn tương tác hoặc đối thoại (chủ yếu là trường hợp "đối thoại cạnh tranh"), Hồ sơ Mời thầu (RFP) và hợp đồng đều chỉ có tính tạm thời (hoặc thậm chí không có trong một số đối thoại cạnh tranh) cho đến khi kết thúc đối thoại, và cũng là lúc hợp đồng cũng như yêu cầu cuối cùng về nộp thầu và chấm thầu được xác định. Thông thường, trong những quy trình như vậy, Hồ sơ mời thầu (RFP) đầu tiên được gọi là "hồ sơ mô tả".</p> <p>Tham khảo thêm <i>Giai đoạn 'chuẩn bị hồ sơ dự thầu , Giai đoạn đánh giá thầu, Giai đoạn đấu thầu, nộp hồ sơ dự thầu.</i></p> <p>Hồ sơ mời thầu (RFP) cũng có thể được gọi ở một số nước là Hồ sơ Đấu Thầu (Request for Tender - RFT).</p>
<p>Hồ sơ Mời Sơ tuyển (RFQ)</p>	<p>Đây là bộ hồ sơ mời sơ tuyển được chính quyền phát hành ra thị trường liên quan đến dự án.</p> <p>Bộ hồ sơ do cơ quan mời thầu phát hành bao gồm căn cứ sơ tuyển và dự kiến sơ tuyển các ứng cử viên (lập danh sách ngắn). Ứng cử viên được xét tuyển (hoặc đưa vào danh sách ngắn) sẽ được mời nộp đề xuất (hoặc tham gia giai đoạn mới trước khi nộp hồ sơ dự thầu, chẳng hạn giai đoạn đối thoại, giai đoạn tương tác).</p> <p>Hồ sơ Dự Sơ tuyển (SoQ) được nộp để phản hồi Hồ sơ Mời Sơ tuyển. Một cách gọi khác là nộp Thư bày tỏ Quan tâm (EOI).</p>
<p>Rủi ro giữ lại</p>	<p>Là giá trị của những rủi ro hoặc một phần rủi ro mà chính quyền đứng ra chịu trong dự án PPP.</p>
<p>Dự án tạo đủ doanh thu</p>	<p>Dự án tạo đủ doanh thu là dự án tự tạo ra doanh thu và đem lại đủ doanh số để đảm bảo khả thi tài chính mà không cần đến hỗ trợ từ ngân sách. Thuật ngữ tương đương là "dự án tự đảm bảo kinh phí". Thuật ngữ "dự án vượt ngưỡng khả thi" đôi khi cũng được sử dụng nếu có chỉ báo rõ ràng là doanh thu đem lại thặng dư đáng kể và giá trị tài chính cao hơn ngưỡng khả thi.</p>

	<p>Đó thường là những dự án PPP được người dùng chi trả, nhưng doanh thu có thể bao gồm doanh thu từ bên thứ ba, ví dụ nhà máy xử lý rác thải bán năng lượng được sản xuất trong một dự án chuyển đổi rác thành điện, hoặc doanh thu phụ trợ (doanh thu thứ cấp ngoài dự kiến không liên quan thu được qua hoạt động kinh doanh ngoài dự kiến, nghĩa là các hoạt động không phải ngành nghề kinh doanh chính trong phạm vi PPP chẳng hạn doanh thu quảng cáo trong dự án đường sắt, hoặc của nhà hàng/quầy hàng mở ra tại sân bay).</p>
Rủi ro doanh thu	Tham khảo <i>Rủi ro nhu cầu</i>
Giai đoạn "chuẩn bị hồ sơ dự thầu"	Là một phần của giai đoạn Đấu thầu (RFP) khi các nhà thầu đang chuẩn bị hồ sơ dự thầu.
Giai đoạn đánh giá thầu	Là một phần của giai đoạn Đấu thầu (RFP), trong đó chính quyền đánh giá hồ sơ dự thầu.
Giai đoạn đấu thầu	Là giai đoạn bao gồm phát hành Hồ sơ Mời thầu (RFP) cho các nhà thầu để họ lập hồ sơ dự thầu chi tiết và ràng buộc, tiếp theo là đánh giá hồ sơ dự thầu và xác định nhà thầu được lựa chọn.
Hồ sơ dự thầu	Là đề xuất của nhà thầu nhằm phản hồi Hồ sơ Mời thầu (RFP) do chính quyền phát hành cho một dự án.
Quyền đối với hành lang lộ giới	Là quyền về hành lang đất chạy tuyến tính với dự án hạ tầng, như đường bộ hoặc đường ống.
Nghĩa vụ được khoan vùng	Là các nghĩa vụ của công ty dự án được tách riêng so với nghĩa vụ của các nhà đầu tư góp vốn cổ phần (nghĩa là một sự vi phạm nghĩa vụ của công ty dự án không phải là một sự vi phạm nghĩa vụ của các nhà đầu tư góp vốn cổ phần), và nợ được đảm bảo bằng dòng tiền của dự án.
Rủi ro	Là sự kiện chưa biết rõ, nếu xảy ra, có thể khiến cho kết quả thực tế của dự án chênh lệch với kết quả dự kiến.

Phân bổ rủi ro	Là phân bổ hệ quả của từng rủi ro cho một trong các bên tham gia hợp đồng, hoặc thống nhất về cách xử lý rủi ro đó qua một cơ chế được xác định cụ thể, có thể bao hàm chia sẻ rủi ro.
Đánh giá rủi ro	Là đánh giá về khả năng những rủi ro được xác định sẽ xảy ra và mức độ hậu quả khi những rủi ro đó xảy ra.
Phần bù rủi ro	Là tỷ lệ hoàn vốn cần tăng thêm cho nhà đầu tư tham gia vào hoạt động đầu tư rủi ro nhằm bù đắp cho rủi ro đó.
Xác định cấu trúc phân bổ rủi ro	Là xác định cách phân bổ rủi ro tối ưu trong hợp đồng nhằm quyết định rủi ro nào cuối cùng sẽ được phân giao cho đối tác tư nhân và ở mức độ nào, rủi ro nào sẽ được cơ quan nhà nước giữ lại hoặc chia sẻ chung và ở mức độ nào.
Phạm vi (của khung PPP)	Là loại dự án và lĩnh vực nào sẽ áp dụng khung PPP.
Nhà đầu tư thứ cấp	Là nhà đầu tư đầu tư vào đối tác tư nhân sau khi hoàn tất thủ tục tài chính (thường trong những năm đầu của giai đoạn vận hành), qua mua lại cổ phần của nhà đầu tư ban đầu.
Nợ ưu tiên	Là hình thức chính của khoản nợ do đối tác tư nhân huy động, có thứ hạng ưu tiên thanh toán cao hơn so với các khoản nợ không đảm bảo hoặc còn gọi là nợ "có mức độ ưu tiên thanh toán thấp hơn", nghĩa là nợ ưu tiên thường được ưu tiên trả nợ trước tiên, và bên cho vay nợ ưu tiên có quyền ra quyết định cao hơn chủ các khoản nợ có mức độ ưu tiên thanh toán thấp hơn.
Hợp đồng dịch vụ	Là hợp đồng nhằm chuyển giao vận hành dịch vụ công cho bên khác theo nghĩa pháp lý chặt chẽ, ví dụ dịch vụ cấp nước hoặc vận tải hành khách, thay vì đứng ra bảo trì hoặc vận hành tuyến đường. Tại các quốc gia theo hệ thống luật án lệ, thuật ngữ "hợp đồng dịch vụ" không có nghĩa pháp lý cụ thể và được dùng cho vô số các hợp đồng thuê ngoài, thường là hợp đồng tương đối ngắn hạn.

Thất bại trong cung cấp dịch vụ	Là thất bại có nguyên nhân do bên tư nhân không cung cấp dịch vụ theo đúng yêu cầu về dịch vụ trong hợp đồng.
Tín dụng ngầm	Là vốn vay do các bên cho vay không thuộc phạm vi quản lý của cơ quan nhà nước cung cấp.
Giá mờ	<p>Trong bối cảnh thực hiện phân tích kinh tế, là giá đã được điều chỉnh hợp lý cho phù hợp với tình trạng thị trường không hoàn hảo, chẳng hạn những hạn chế về tỷ giá hối đoái, chi phí lao động, và tiêu dùng năng lượng.</p> <p>Giá mờ không nên bị nhầm với phí cầu đường mờ hoặc cước phí mờ.</p>
Phí cầu đường mờ (cước phí mờ)	<p>Phí cầu đường mờ hoặc cước phí mờ (còn gọi là phí mờ) là các loại phí được chính quyền chi trả thay cho người sử dụng. Thuật ngữ phí cầu đường mờ được dùng cho một loại phí cụ thể áp dụng trong các dự án đường bộ.</p> <p>Các khoản chi trả mờ theo khối lượng là một trong hai loại hình cơ chế chi trả chính.</p>
Cổ đông	Cổ đông là các nhà đầu tư góp vốn nắm giữ cổ phần tại doanh nghiệp dự án PPP (SPV) - lưu ý là nhà đầu tư là người có thể đầu tư vào các công cụ khác ngoài cổ phần, nhưng họ cũng thường đầu tư vào cổ phần).
Thỏa thuận cổ đông (SHA)	Là văn bản được ký kết giữa các bên góp vốn cổ phần vào doanh nghiệp dự án PPP (SPV), trong đó đề ra cách thức họ phối hợp với nhau để quản lý doanh nghiệp đó.
Nhà thầu được đưa vào danh sách ngắn	Là các nhà thầu được mời nộp hồ sơ dự thầu để đáp ứng Hồ sơ Mời thầu (RFP) cho một dự án, trong đó chính quyền chỉ cho phép số lượng hạn chế các nhà thầu đã qua sơ tuyển được tham gia giai đoạn mời thầu (RFP).
Nguyên tắc ngân khố chung	Là cơ chế trong đó chính quyền cung cấp tài chính bằng ngân sách năm để phục vụ nhu cầu chung của người dân, nhưng không cam kết tài chính cho dự án cụ thể.
Công trình hạ tầng xã hội	Là công trình hạ tầng để cung cấp các dịch vụ xã hội: bệnh viện, trường học, đại học, nhà giam, nhà ở, tòa án, vân vân.

Điều kiện ưu đãi	Là các điều kiện thuận lợi hơn so với điều kiện thị trường hiện tại.
Vốn vay ưu đãi	Vốn vay ưu đãi do cơ quan mời thầu cung cấp. Đó thường là nợ thứ cấp, nhưng có mức độ ưu tiên cao hơn so với vốn cổ phần, bao gồm nợ thứ cấp do nhà đầu tư góp vốn cổ phần cung cấp. Vốn vay ưu đãi thường có hình thức là vốn vay tham gia, nghĩa là chính quyền nhận một phần lợi thế của dự án để đổi lấy các điều kiện thấp hơn điều kiện thị trường. Thủ lao và quyền hưởng lợi ích chia sẻ được mô tả rõ trong hợp đồng.
Dịch vụ không gắn với tài sản hạ tầng	Là những dịch vụ liên quan đến quản lý các công trình của dự án (bao gồm các hạng mục như lau dọn, cung cấp bữa ăn và kiểm soát côn trùng) thường liên quan đến sử dụng lao động và thực chất không liên quan gì đến tài sản đầu tư. Những dịch vụ này, nếu chuyển cho tư nhân trong cơ chế PPP, thường phải áp dụng các cơ chế kiểm thử thị trường và/hoặc so sánh đối chứng theo hợp đồng PPP.
Quỹ đầu tư của nhà nước	Là quỹ thường do chính phủ thành lập hoặc kiểm soát để đầu tư tại các quốc gia khác.
Pháp nhân được thành lập vì mục đích đặc biệt (SPV), sau đây gọi là Doanh nghiệp dự án PPP (SPV)	Là pháp nhân được thành lập để thực hiện duy nhất một nhiệm vụ hoặc một dự án nhằm bảo vệ cổ đông nhờ tính chất trách nhiệm hữu hạn, thường sử dụng đối với tài chính hữu hạn hoặc không truy đòi. Khi thành lập liên danh dự án, các bên bảo trợ thường lập ra một đối tác tư nhân dưới hình thức doanh nghiệp dự án PPP (SPV) để ký kết hợp đồng với chính quyền. SPV là pháp nhân được thành lập để đóng vai trò pháp nhân hợp pháp của liên danh dự án mà không có lịch sử hoạt động hoặc tài chính mà chính quyền có thể tiếp cận. SPV/ pháp nhân được thành lập vì mục đích đặc thù (SPE) là pháp nhân không có hoạt động nào ngoài những hoạt động liên quan đến dự án. Thuật ngữ này cũng có thể là "đối tác tư nhân" hoặc "công ty dự án".
Nhà đầu tư góp vốn cổ phần cho dự án PPP	Là công ty tư nhân hoặc các công ty đảm nhiệm vai trò chủ trì công tác chuẩn bị và dự thầu và thường chủ trì

	suốt vòng đời hợp đồng cho đến khi họ dự kiến thoái lui bằng cách bán lợi ích cổ phần của họ.
Hợp đồng chuẩn	Hợp đồng chuẩn trình bày ngôn từ chính xác cho những điều khoản hợp đồng nhất định mà các cơ quan nhà nước cần sử dụng (hoặc ít nhất cần lập văn bản ghi nhận và lý giải cho những khác biệt so với bản chuẩn).
Giai đoạn tạm hoãn	Là giai đoạn trong đó một quy trình bị ngừng lại để cho phép một hoặc các bên khác hành động. Trong bối cảnh PPP, đó thường là: <ul style="list-style-type: none"> • giai đoạn bắt buộc cần áp dụng từ khi trao hợp thầu đến khi ký kết hợp đồng để tạo điều kiện cho phép các ý kiến phản biện, nếu có, về quyết định trao thầu • giai đoạn được thống nhất trong hợp đồng, trong đó một bên phải ngưng thực hiện một số hình thức hoạt động nhất định.
Quy định về hỗ trợ của nhà nước	Là quy định nhằm hạn chế mức độ hỗ trợ tài chính cho dự án dưới dạng vốn vay của nhà nước hoặc của cơ quan nhà nước, cũng như bảo lãnh.
Doanh nghiệp nhà nước	Là công ty hoặc doanh nghiệp được bản thân chính quyền thành lập và sở hữu.
Tiếp quản	Là phương án chính quyền hoặc bên cho vay tiếp quản các trách nhiệm trong hợp đồng của một bên dự án qua quản lý hợp đồng của họ trong trường hợp bên đó không thực hiện được nghĩa vụ của họ trong hợp đồng đó.
Quỹ đầu tư chiến lược	Là quỹ có cơ cấu để qua đó chính phủ có thể đầu tư vào các dự án tại chính quốc gia của họ.
Hợp đồng thầu phụ	Là hợp đồng giữa bên tư nhân và bên thứ ba, quy định về thực hiện một phần nghĩa vụ của bên tư nhân trong hợp đồng PPP.
Nộp Hồ sơ Dự Sơ tuyển (SoQ)	Là việc nhà thầu có triển vọng nộp các hồ sơ cần thiết để được sơ tuyển.

Nợ thứ cấp (có thứ tự ưu tiên thanh toán thấp hơn)	Là nợ, theo thỏa thuận hoặc cơ cấu pháp lý, có cấp thấp hơn so với nợ khác (ưu tiên), qua đó cho phép chủ nợ (ưu tiên) được ưu tiên trong việc tiếp cận số tiền bên vay trả cho chủ nợ tại từng thời điểm, và tiếp cận tài sản hoặc doanh thu của bên vay trong trường hợp mất khả năng trả nợ. Ưu tiên này có thể được áp dụng với tổ chức thanh lý và quản trị của bên vay.
Chi phí chìm	Là chi phí đã phát sinh và không thể thu hồi.
Nhà cung cấp	Là nhóm nhà thầu phụ chuyên trách về một loại sản phẩm hoặc dịch vụ dùng cho xây dựng, vận hành và duy tu bảo dưỡng công trình.
Thách thức kiểu Thụy Sĩ (Swiss challenge)	Trong trường hợp nhà đầu tư đề xuất dự án, tiến hành đấu thầu cạnh tranh. Nếu nhà đầu tư đề xuất dự án không trúng thầu, nhà đầu tư này được lựa chọn chấp nhận các điều kiện tương đương với hồ sơ dự thầu trúng thầu để được trao hợp đồng.
Nghiệp vụ khoản vay hợp vốn	Là quy trình trong đó các ngân hàng nhất trí từ đầu về cung cấp vốn vay cho bên tư nhân giảm nhẹ công tác bảo lãnh phát hành bằng cách giao một phần vốn vay cho các ngân hàng khác.
Rủi ro hệ thống	Là những rủi ro liên quan đến tình hình kinh tế chung không thể phân vào chiến lược cụ thể nào, và chỉ có thể được bồi hoàn bằng cách tăng chung tỷ lệ lợi nhuận trên tài sản.
Hoàn thành kỹ thuật	Trong quy trình hoàn thành hai giai đoạn, đây là giai đoạn của công trình mà bên chứng nhận hoàn thành đã thỏa mãn với mọi tiêu chí hoàn thành và kiểm thử theo quy định.
Yêu cầu kỹ thuật	Là các chi tiết kỹ thuật về dự án cho phép xác định chính xác thiết kế của công trình hạ tầng và đặc điểm của các dịch vụ được triển khai, đồng thời đề cập đến mức độ ảnh hưởng đến kết quả công việc và dịch vụ cung cấp. Việc xác định rõ ràng yêu cầu kỹ thuật là điều kiện cần để đánh giá và phân bổ chi phí khi phân tích khả thi thương mại cho dự án.

Lỗi thời về công nghệ	Lỗi thời về công nghệ nói về rủi ro do các thiết bị nhất định trở nên không phù hợp hoặc lạc hậu, xét mục đích cung cấp dịch vụ.
Đề xuất vượt khả năng	<p>Là đề nghị được đưa ra theo những điều khoản có thể được coi là liều lĩnh với hi vọng thắng thầu dự án để sau đó được đàm phán lấy kết quả thuận lợi hơn. Tại một số quốc gia như Tây Ban Nha, tập quán chung là họ xác định ngưỡng liều lĩnh theo tỷ lệ tương đối.</p> <p>Ví dụ, bất kỳ đề nghị nào thấp hơn hồ sơ dự thầu trung bình ở mức trên 15% sẽ được coi là quá mức cho mục đích đánh giá thầu. Theo luật của Tây Ban Nha, cơ quan nhà nước có thể cho nhà thầu đó có cơ hội giải thích và biện giải về lý do của đề xuất đó, và cơ quan đó cũng có thể yêu cầu khoản bảo lãnh bổ sung để đảm bảo đủ vốn thực hiện.</p>
Quy trình đấu thầu	Là quy trình mời các bên quan tâm dự thầu để thực hiện dự án. Quy trình đấu thầu sử dụng áp lực cạnh tranh giữa các nhà thầu để đạt được giá và điều kiện tốt nhất.
Thời hạn	Là thời hạn của hợp đồng PPP, hoặc giai đoạn cho đến thời điểm trả nợ lần cuối.
Chấm dứt tùy ý	<p>Là việc chính quyền chấm dứt hợp đồng khi không có tình trạng mất khả năng thực hiện hợp đồng hoặc không đáp ứng các tiêu chí chấm dứt khác. Chính quyền luôn bảo lưu quyền chấp dứt hợp đồng sớm vì lợi ích công.</p> <p>Còn gọi là "Chấm dứt đơn phương".</p>
Khoản thanh toán chấm dứt	<p>Là khoản thanh toán của chính quyền theo hợp đồng PPP, sau khi chấm dứt thỏa thuận dự án.</p> <p>Còn gọi là "Tiền đền bù chấm dứt".</p>
Nguồn thu từ bên thứ ba	Là khả năng công ty dự án tạo được nguồn thu khác ngoài nguồn thu từ người sử dụng hoặc từ cơ quan nhà nước.
Mua sắm truyền thống	Là cách thức chính quyền cung cấp hạ tầng và các dịch vụ liên quan qua một quy trình mua sắm thiết kế và xây

	dựng, hoặc quy trình mua sắm khác vẫn được chính quyền áp dụng từ trước đến nay.
Rủi ro được chuyển giao	Là giá trị của những rủi ro (trên góc độ chính quyền) dự kiến được phân bổ cho bên tư nhân trong hợp đồng PPP.
Hợp đồng chìa khóa trao tay (hợp đồng tổng thầu)	Là hợp đồng giao trách nhiệm cho một đầu mối duy nhất thực hiện các công tác thiết kế, kỹ thuật công trình, mua sắm tất cả trang thiết bị, và thi công xây dựng.
Đấu thầu hai giai đoạn	Là quy trình đấu thầu trong đó chính quyền ban đầu phát hành Hồ sơ Mời Sơ tuyển (RFQ) và sau đó (sau khi đánh giá tuyển chọn được nhà thầu tiềm năng) chỉ phát hành Hồ sơ Mời thầu (RFP) cho các nhà thầu đã sơ tuyển (hoặc được đưa vào danh sách ngắn trong một số quy trình).
Chấm dứt đơn phương	Tham khảo <i>Chấm dứt tùy ý</i> .
Khoản thu đơn nhất	Là thuật ngữ nói về các khoản chi trả của chính quyền trong hợp đồng PPP được chính quyền chi trả.
Thù lao đơn nhất	Tham khảo <i>Khoản thu đơn nhất</i> .
Chi trả đơn nhất	Tham khảo <i>Khoản thu đơn nhất</i> .
Hồ sơ tự đề xuất của nhà đầu tư	Là hồ sơ đề xuất của bên tư nhân về việc thực hiện dự án PPP. Hồ sơ này do công ty tư nhân đó tự nộp, thay vì để phản hồi hồ sơ mời thầu của chính quyền.
Khoản chi trả ban đầu hoặc phí nhượng quyền	Là cơ chế chia sẻ trong đó cơ quan nhà nước được đối tác tư nhân thanh toán ngay từ ban đầu trong trường hợp dự án thể hiện tiềm năng về doanh thu vượt quá ngưỡng yêu cầu đảm bảo khả thi về thương mại.
Hợp đồng dự án PPP	Là thỏa thuận hợp đồng giữa cơ quan mời thầu và đối tác tư nhân.
Phí người sử dụng	Là các khoản chi trả của người sử dụng công trình hạ tầng, chẳng hạn phí cầu đường trong dự án đường bộ thu phí.

<p>PPP có nguồn thu từ người sử dụng</p>	<p>Là dự án PPP trong đó doanh thu của đối tác tư nhân dựa vào các khoản chi trả của người sử dụng (ví dụ, phí cầu đường đối với đường bộ).</p> <p>Tài liệu Hướng dẫn Chứng chỉ PPP này xem xét bất kỳ dự án PPP nào, trong đó phần lớn doanh thu đến từ người sử dụng đều là PPP có nguồn thu từ người sử dụng, ngay cả trong trường hợp doanh thu hỗn hợp, bao gồm một số hình thức chi trả của nhà nước.</p>
<p>PPP sử dụng vốn của người dùng</p>	<p>Tham khảo <i>PPP có nguồn thu từ người sử dụng</i>.</p>
<p>Phân tích giá trị</p>	<p>Là sửa đổi thiết kế và hệ thống theo phân tích giá trị, thường với mục tiêu nhằm giảm chi phí.</p>
<p>Hiệu quả sử dụng vốn (VfM)</p>	<p>Về tổng thể, để đạt được hiệu quả sử dụng vốn (VfM) nghĩa là đồng tiền chi ra phải đem lại giá trị, nghĩa là giá trị của sản phẩm hoặc dịch vụ nhận được phải bằng hoặc lớn hơn số tiền chi ra. Quyết định chi tiêu (hoặc đầu tư trong bối cảnh này) là quyết định khôn ngoan ở chỗ nó tạo ra giá trị ròng cho người đứng ra chi trả.</p> <p>Khái niệm "hiệu quả sử dụng vốn" thường được dùng trong quyết định đầu tư bất kỳ của chính quyền theo nghĩa đầu tư đó phải tạo ra giá trị ròng cho xã hội (hoặc cho người nộp thuế) và điều này được kiểm thử bằng các kỹ thuật đánh giá chi phí lợi ích (đặc biệt là Phân tích Chi phí - Lợi ích, CBA). Tuy nhiên trong bối cảnh PPP, hiệu quả sử dụng vốn được dùng theo nghĩa cụ thể hơn - tham khảo <i>Hiệu quả sử dụng vốn (trong bối cảnh PPP)</i> bên dưới.</p>
<p>Hiệu quả sử dụng vốn (trong bối cảnh PPP)</p>	<p>Là lợi ích tương quan với chi phí mua sắm dự án theo phương thức PPP so với các phương thức mua sắm khác, thường được đề cập bằng từ viết tắt cho hiệu quả sử dụng vốn là (VfM). Trong bối cảnh PPP, hiệu quả sử dụng vốn có thể được kiểm thử tại hai thời điểm khác nhau trong chu trình dự án:</p> <ul style="list-style-type: none"> • trong giai đoạn thẩm định và xác định cấu trúc, đánh giá VfM là để xác định xem phương án mua sắm PPP có phải là hình thức dự kiến sẽ đem lại giá trị tốt nhất cho cơ quan nhà nước hay tốt hơn so với hình thức mua sắm truyền thống hay không;

	<ul style="list-style-type: none"> trong giai đoạn chấm thầu, đánh giá VfM là để xác định xem hồ sơ dự thầu có đem lại hiệu quả sử dụng vốn so với chi phí khi mua sắm theo hình thức truyền thống hay không. <p>Kết quả VfM dương hoặc VfM dự kiến của phương án PPP là kết quả tổng hợp căn cứ vào hiệu suất và khả năng đổi mới sáng tạo của khu vực tư nhân, cùng với chuyển giao rủi ro, chi phí trọn vòng đời, và dịch vụ do công trình đem lại.</p>
Kiểm thử giá trị	<p>Là kỹ thuật nhằm so sánh giữa chi phí cung cấp các dịch vụ không gắn với tài sản hạ tầng trong hợp đồng PPP với giá cả thị trường tại một thời điểm nhất định. Mục đích nhằm điều chỉnh số tiền chi trả cho dịch vụ sao cho phản ánh được giá cả thị trường.</p> <p>Các phương pháp thường được sử dụng nhất là so sánh đối chứng và kiểm thử thị trường.</p>
Cấp bù đắp phần thiếu hụt nhằm đảm bảo khả thi (VGF)	<p>Là phương thức trong đó dự án có tính khả thi tài chính thấp được nhận cấp phát (hoặc hình thức hỗ trợ tài chính khác của chính phủ) ở một mức tỷ lệ phần trăm vốn đầu tư dự án được quy định nhằm làm cho dự án đó trở nên khả thi về tài chính khi thực hiện theo hình thức PPP. Thông thường, nhà thầu đề xuất mức hỗ trợ tài chính từ phía chính quyền thấp nhất sẽ được trao hợp đồng dự án đó.</p>
Chấm dứt tự nguyện	<p>Tham khảo <i>Chấm dứt tùy ý</i>.</p>
Chi phí vốn bình quân gia quyền (WACC)	<p>WACC là chi phí bình quân của tất cả các nguồn tài chính của tư nhân dành cho dự án. Đó là bình quân gia quyền chi phí của các nguồn vốn góp chủ sở hữu và chi phí vay nợ.</p>
Thiện chí chi trả	<p>Là thiện chí và khả năng chi trả cho phí cầu đường hoặc phí sử dụng khác của của người dùng công trình nhượng quyền theo yêu cầu của bên được nhượng quyền.</p>
Lợi nhuận do may mắn	<p>Là lợi nhuận có tính nhạy cảm chính trị của các nhà đầu tư dự án PPP do lợi nhuận đầu tư cao, đảo nợ, hoặc bán khoản đầu tư của họ.</p>

Vốn lưu động	Là số vốn cần dùng để trang trải chi phí phát sinh cho việc vận hành và đảm bảo tài chính trước khi nhận được doanh thu.
Dự án đầu tư giai đoạn tiếp theo	Là dự án PPP, trong đó khoản đầu tư gốc nhằm cải tạo, chỉnh trang, hoặc mở rộng cơ sở hạ tầng hiện có. Đó cũng có thể được gọi là dự án giai đoạn hai.